

LÊ DUY KỲ (1766-1793) ĐÁNG THƯƠNG HAY ĐÁNG TRÁCH?

Nguyễn Duy Chính*

Lời Tòà soạn. Tháng 12 năm 1924, tạp chí *Nam Phong* khởi đăng một biên khảo bằng Hán văn dài 5 kỳ nhan đề *Tang thương lệ sử* do Đinh Lệnh Uy biên soạn. Đến năm 1945, Phan Trần Chúc lại biên soạn một tác phẩm khác bằng chữ quốc ngữ nhan đề *Bánh xe khứ quốc*. Tuy chỉ dựa vào tài liệu trong nước nhưng cả hai công trình này đã biên soạn khá đầy đủ về cuộc đời và thân phận lưu vong của Lê Chiêu Thống. Ngót 70 năm trôi qua, tác giả Nguyễn Duy Chính lại viết về nhân vật chịu nhiều tai tiếng này trong một biên khảo mới: *Lê Duy Kỳ (1766-1793): đáng thương hay đáng trách*. Ngoài phần mở đầu và kết luận, biên khảo này gồm 6 phần: 1/ Đàng Ngoài cuối thế kỷ XVIII; 2/ Tây Sơn chiếm miền Bắc, vua Lê xuất bôn; 3/ Nhà Thanh cứu viện; 4/ Trở lại Thăng Long; 5/ Bang giao Thanh-Việt hậu chiến; 6/ Nhân cách và tài năng. Dựa vào nhiều nguồn sử liệu khác nhau, biên khảo của tác giả Nguyễn Duy Chính cung cấp cho người đọc những thông tin đa chiều, khắc họa khá rõ nét cuộc đời và thân phận long đong của một ông vua bù nhìn trong tay các phe phái quyền lực, và đã bị nhà Thanh lợi dụng để đem quân xâm lược nước ta vào năm 1788.

Lời nói đầu

Nói tên Lê Duy Kỳ có thể ít người biết nhưng nếu nói đến vua Chiêu Thống thì phần lớn chúng ta hình dung ra một ông vua nhiều tội lỗi, đáng nguyên rủa. Vua Chiêu Thống [dưới triều Nguyễn được đặt tên thụy là Mẫn Đế nghĩa là ông vua đáng thương] là vị vua cuối cùng của triều Lê, trị vì chỉ một thời gian rất ngắn. Người lãnh đạo sau cùng của một triều đại thường được ghi nhận một cách thiếu thiện cảm - kẻ thất bại bao giờ cũng có lỗi và đáng trách nhiều hơn đáng khen - từ Bảo Đại nhà Nguyễn, Phổ Nghi nhà Thanh, hay Sùng Trinh nhà Minh. Tuy nhiên, không phải lịch sử mãi mãi đều lập lại một quan điểm, nhiều giai đoạn, nhiều nhân vật đã được đánh giá lại cho chính xác.

Cuối thế kỷ XVIII nước ta đầy biến động. Cuộc nổi dậy của anh em Tây Sơn không những chấm dứt vương quyền chúa Nguyễn ở Nam Hà mà còn diệt luôn chúa Trịnh ở miền Bắc đưa đến sự sụp đổ nhà Lê, triều đình chính thống của Việt Nam trong gần 400 năm.

Tuy nhiên nhà Tây Sơn cũng không giữ được lâu mà chỉ chưa đầy 20 năm thì chính họ cũng bị tiêu diệt. Sự thay đổi nhiều thế lực, nhiều vương quyền quá nhanh trong một thời gian ngắn khiến cho sử sách viết về thời kỳ này bao gồm đủ loại khuynh hướng, nếu chỉ nhìn một phía chắc chắn chúng ta sẽ vừa thiếu sót, vừa thiên vị. Một triều đại qua đi, những người hoài vọng thường có khuynh hướng đề cao người đi trước và trút trách nhiệm cho người không may mắn phải ở vào vị trí sau cùng.

* California, Hoa Kỳ.

Trong vài chục năm qua, không ít những tác phẩm miêu tả một thời kỳ cũ bằng lăng kính chính trị mới. Khi cần đề cao tinh thần chống xâm lăng - dù là từ phương Bắc hay từ phương Tây - người ta thích huyền thoại hóa nhân vật Nguyễn Huệ, và lẽ dĩ nhiên để làm nổi bật một cá nhân ở phía này thì cũng phải hạ thấp một đối tượng ở phía khác. Chính vì thế, Nguyễn Ánh cũng như Lê Duy Kỳ đều bị miêu tả dưới những tội danh “bán nước”. Những bản án nặng nề đó chưa hẳn đã vì tội trạng của đương sự mà chỉ để làm sáng tỏ chính nghĩa trong công tác động viên quần chúng đánh đuổi ngoại xâm.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng không thể bỏ qua chủ tâm nguyên thủy của chính triều Nguyễn đã cố ý viết sai lạc về đối phương. Giai đoạn cuối triều Lê và suốt thời kỳ Tây Sơn được viết nhằm trám vào một khoảng trống của lịch sử chứ chưa hẳn đã là trình bày sự thật khách quan về những gì đã xảy ra tại miền Bắc. Để bảo vệ và đề cao vai trò của mình, triều Nguyễn không chỉ bôi đen anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ mà còn nỗ lực xóa nốt tính chất chính thống của vua Lê. Với nhà Tây Sơn, vua Gia Long đuổi tận giết tuyệt nhưng lòng người không oán thán nhiều vì anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ lên ngôi chưa lâu, ơn đức chưa đủ thấm vào quần chúng. Trái lại, nhà Lê mấy trăm năm qua tuy không có thực quyền, ngôi vua chỉ là hư vị nhưng công lao của nhiều đời nên tuy đã diệt vong mà tâm tình “hoài Lê” vẫn còn âm ỉ và day dứt, một mạch nước ngầm chảy trong huyết quản của người dân Bắc Hà. Tới hậu bán thế kỷ XIX, khôi phục Lê triều vẫn còn được sử dụng như một chiêu bài trong những cuộc nổi dậy.

Vào những năm cuối của triều đại Tây Sơn, không hiếm cựu thần nhà Lê vẫn tưởng Nguyễn Ánh đang đóng vai “*phục quốc*”, thành công rồi sẽ lại tôn phò vua Lê như bao nhiêu đời chúa trước. Trên giấy tờ, Nguyễn Ánh vẫn dùng niên hiệu Cảnh Hưng. Chúa Nguyễn cũng đã cho người liên lạc với con cháu và cựu thần tiền triều [kể cả việc sai người sang Trung Hoa tìm Lê Chiêu Thống] để ước hẹn khởi binh và một nhà Nho đã “*bịa ra lời của Nguyễn công [tức chúa Nguyễn] làm bài hịch Dụ Bắc thành trung nghĩa hào kiệt gọi cho người quen mọi nơi, tỏ ý đang đem quân ra Bắc diệt giặc phò Lê, và bảo những người trung nghĩa với Lê cất quân đánh giặc*”.⁽¹⁾ Chính vì thế, tuy Nguyễn Huệ đối xử với cựu triều không đến nỗi nghiệt ngã [ngoại trừ những người nổi lên chống lại triều đình] sĩ phu Bắc Hà vẫn coi ông như một “*ông Ác*”, ngược lại chúa Nguyễn được miêu tả như một “*ông Thiện*”. Câu hát “*lạy trời cho cả gió nổi, cho thuyền chúa Nguyễn dong buồm thẳng ra*” là một thí dụ điển hình về cuộc chiến tranh tâm lý cuối thời Tây Sơn.

Đến khi sắp sửa thành công, Nguyễn Ánh không còn phải tiếp tục tôn phò nhà Lê nên dứt khoát dùng niên hiệu Gia Long, xác định mình là một vị hoàng đế mới. Triều đình chính thức và hợp pháp của An Nam lúc đó là nhà Tây Sơn không còn được Trung Hoa yểm trợ - vì quan điểm đối với An Nam của vua Nhân Tông [Gia Khánh] khác hẳn vua cha Cao Tông [Càn Long] - nên chúa Nguyễn không phải chuẩn bị một cuộc chiến đối đầu với Trung Hoa như Nguyễn Quang Bình [Nguyễn Huệ] đã làm mà còn được nhà Thanh ám trợ đẩy anh em Nguyễn Quang Toản vào tuyệt lộ.

Nhằm thực hiện công việc một ná bắn hai chim, triều Nguyễn dùng ngay hào quang chống xâm lăng của Tây Sơn [nay đã bị diệt] để truất đi cái mệnh trời của Lê triều đã kéo dài gần 400 năm. Không thể tru di tông thất nhà Lê giống như nhà Trần với nhà Lý, nhà Hồ với nhà Trần, tân triều nhấn mạnh vào sự bạc nhược vô dụng [và phản quốc] của ông vua đã thất thế. Song song với việc tiêu trừ dư đảng Tây Sơn, những cuộc truy quét quy mô để xóa bỏ những giấy tờ, tài liệu, ấn tín... liên quan đến cựu triều cũng được nhà Nguyễn tiến hành qua nhiều đợt khác nhau.

Cảm thấy sự thờ ơ của triều đình đối với miền Bắc - mà người ngoại quốc cũng nhận ra rằng nhà Nguyễn coi như một thuộc địa - và e rằng nhiều sự thật rồi đây cũng sẽ mai một không bao giờ được biết tới, một số sĩ phu Bắc Hà tự làm công việc sưu tầm, ghi chép những gì xảy ra vài chục năm trước, trong đó có hai tác phẩm với nhiều tài liệu giá trị còn tồn tại được đến ngày nay là *Lịch triều tạp kỷ* của Ngô Cao Lãng⁽²⁾ và *Quốc sử di biên* của Phan Thúc Trục.⁽³⁾

Tuy nhiên, những tác phẩm đó cũng chỉ được giới nghiên cứu coi như tài liệu bổ di, không được dùng để thay thế các bộ sử do sử quán triều đình biên soạn. Để trả lại công bằng, thiết tưởng chúng ta cũng cần phải cải chính một số chi tiết và đánh giá lại một số nhân vật mà tiểu sử, hành vi vốn đã trở thành kinh điển vì rập theo *Đại Nam chính biên liệt truyện* hay *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* [chi tiết trong hai bộ sử này khi được soạn thảo vào cuối thế kỷ XIX có lẽ cũng chỉ rút ra từ một số ký sự lưu truyền thời bấy giờ như *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), *Lê quý kỷ sự* (Nguyễn Thu), *Lê quý dật sử* (khuyết danh)...].

Tại sao cần đánh giá lại vua Chiêu Thống?

Tháng 12 năm 1924, trên tạp chí *Nam phong* số 90, phần Hán văn có khởi đăng một biên khảo dài 5 kỳ [chấm dứt ở tạp chí *Nam phong* số 95, 1925] nhan đề *Tang thương lệ sử* [桑滄淚史] do Hàm Giang Đình Lệnh Uy [邯江丁令威] biên soạn, Sở Cường Lê Dư viết tựa. Đây là một tập tài liệu khá đầy đủ viết về cuộc đời và thân phận lưu vong của vua Chiêu Thống mặc dầu chủ yếu vẫn dựa theo tài liệu triều Nguyễn và *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Hai mươi năm sau, Phan Trần Chúc soạn một tác phẩm khác bằng quốc ngữ nhan đề *Bánh xe khứ quốc*, được nhà xuất bản Đời mới ấn hành ở Hà Nội.⁽⁴⁾ Tuy chưa phải là những tài liệu biên khảo quy mô, hai tác phẩm này cũng nói lên phần nào cảnh ngộ bi phần của một ông vua vong quốc mà hoàn cảnh trớ trêu đã trở thành miệng tiếng của người sau.

Lê Duy Kỳ sinh ra và lớn lên phải chịu những lưỡi gươm treo lơ lửng trên đầu trong nhiều năm. Ông không phải là một hoàng tôn sống trong nhung lụa mà là một trẻ mồ côi đầy bất hạnh, sống chết trong tay người, có thể táng mạng vì một lý do thật nhỏ nhặt. Ông chìm vào quên lãng và chỉ được lôi ra từ nhà ngục vì một duyên may khi kẻ thù của gia đình ông [họ Trịnh] đang tan rã nên các phe phái tranh giành cần một biểu tượng cho hoàng gia. Thành thử khi nắm quyền nếu quả ông có một chút khắc bạc hơn

bình thường cũng không phải là điều đáng ngạc nhiên. Đó là lý do sâu xa khi ông ra lệnh đốt và phá hủy một số cung điện của chúa Trịnh mà Hoa Bằng cho rằng “*nhỏ nhen hẹp hòi*”⁽⁵⁾ hay mỗi cảm tức ngấm ngấm khi thấy anh em Tây Sơn cũng lại đi vào con đường lấn lướt của một thứ chúa mới.⁽⁶⁾

Trong suốt cuộc đời 27 năm, Lê Duy Kỳ hầu như chỉ được làm vua trên danh nghĩa, luôn luôn bị những thế lực khác cầm quyền thay. Mà thời gian ông còn được gọi là vua ấy cũng rất ngắn bao gồm ba giai đoạn:

- Giai đoạn I (21 tuổi): Từ khi lên ngôi tháng Bảy năm Bính Ngọ (1786) đến lúc xuất biên tháng Chạp năm Đinh Mùi (1787) tính ra khoảng 18 tháng trong một thời kỳ rối mù, loạn lạc khắp nơi.

- Giai đoạn II (22 tuổi): Từ tháng Chạp năm Đinh Mùi (1787) đến tháng Mười một năm Mậu Thân (1788), trong khoảng một năm ông bôn ba chạy từ nơi này sang nơi khác qua lại không dưới mười chỗ ở khác nhau, nhiều lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Tuy danh nghĩa là vua nhưng nhiều kẻ lại coi ông là một món hàng, để lợi dụng cũng như để buôn bán.

- Giai đoạn III (23 tuổi): Từ cuối tháng Mười một năm Mậu Thân (1788) đến đầu tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), khoảng chừng 1 tháng trong vai bù nhìn, dưới quyền bảo hộ của quân Thanh.

Khi Tôn Sĩ Nghị bại trận, ông chạy theo sang Trung Hoa, chấm dứt sự nghiệp làm vua để sống nhờ nơi đất khách từ tháng Giêng năm Kỷ Dậu đến tháng Mười năm Quý Sửu (1793) khi ông qua đời (từ năm 23-27 tuổi). Những năm làm vua đã khốn khổ, đến lúc xuất biên - dù ở trong nước hay ở ngoài nước - thì cũng chỉ toàn những cảnh ngộ éo le, đầy nước mắt.

Đánh giá kỹ, cuộc đời ông chỉ được hơn hai năm gọi là yên ổn - từ tháng Giêng năm Cảnh Hưng 44 (Quý Mão, 1783) khi được thả ra khỏi ngục sống bên cạnh ông nội là vua Hiến Tông trong vai hoàng thái tôn để chuẩn bị nối ngôi thay người cha bất hạnh là thái tử Duy Vĩ. Dù ngôi vua của nhà Lê chỉ là hư vị và luôn luôn bị đe dọa bởi phủ chúa, ông sống tương đối yên lành đến khi quân Tây Sơn ra Bắc diệt họ Trịnh năm Bính Ngọ (1786) tất cả chừng 2 năm rưỡi. Có lẽ đây là thời gian duy nhất ông được học hành, dạy bảo lễ nghi để chuẩn bị đóng giữ vai hoàng đế. Số thơ văn ít ỏi ông để lại và hành trạng làm vua cho thấy tư chất ông không đến nỗi tầm thường.

Cũng trong thời gian này, ông lập gia thất với bà Nguyễn Thị Kim,⁽⁷⁾ hơn ông một tuổi, dường như là cháu họ của mẹ ông-người vẫn bị sử sách gọi là thái hậu với nhiều ác ý. Hai người vừa có được con trai đầu lòng [đặt tên Lê Duy Thuyên] thì một lần nữa kinh đô bị xâm phạm nên tan tác chồng một nơi, vợ một nẻo.

Những đề cập về Lê Duy Kỳ trong sách vở đều cho rằng ông hèn yếu, kém khả năng tưởng như khi làm vua ông vẫn được hành động hoàn toàn tự do theo chủ kiến và ý thích riêng của mình. Thực tế cho thấy mỗi quyết định, mỗi biến chuyển đều có những nguyên nhân rất xa không dễ dàng

phát hiện. Cuộc đời vua Chiêu Thống - cũng như chiếc ngai vàng của nhà Lê những năm sau cùng - chỉ là một chiếc lá giữa dòng, mặc cho nước cuốn tới đâu thì cuốn, không thể nào cưỡng lại được.

Để nhận định về vua Chiêu Thống cho được công bằng, chúng ta cần nhìn lại con người trong thời buổi mà ông sống, không thể chỉ dựa vào yêu ghét qua “tin đồn”. Ông chỉ là một con chim trong lồng, một bóng mờ chính trị, một người bị rơi vào giữa một đám đông xô đẩy đến đâu cũng phải chịu, mọi vấn đề đều do những sắp xếp ngoài tầm tay. Ngay cả những chi tiết mà người tôn phò nhà Lê thuật lại lắm khi cũng chỉ là “ảo giác chính trị” khi thất thế.

PHẦN I: ĐÀNG NGOÀI CUỐI THẾ KỶ XVIII

Từ khi nước ta chia ra thành hai phần - Đàng Ngoài và Đàng Trong - tuy trên danh nghĩa cùng thần phục nhà Lê nhưng miền Bắc thì chúa Trịnh nắm giữ quyền hành, miền Nam chúa Nguyễn làm chủ. Vì vị trí khuất nẻo nên miền Bắc khó thông thương với bên ngoài, thuyền buôn ngoại quốc phần lớn chỉ ghé các bến đỗ ở Đàng Trong tuy các nhà truyền giáo vẫn tiếp tục ra vào Đàng Ngoài để thi hành các sứ mạng của họ. Hoàn cảnh địa lý đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình nước ta và nhiều biến cố trọng đại ít nhiều bị ảnh hưởng.⁽⁸⁾

Việc thiếu thông thương đó đưa đến hậu quả là tin tức về miền Bắc cũng trở nên hiếm hoi hơn, ít được người ngoại quốc đề cập đến so với tài liệu về Đàng Trong. Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII, các cuộc nội chiến giữa Lê-Trịnh và Mạc, hay Trịnh và Nguyễn xảy ra liên tục nên các thương gia cũng không mấy ai muốn mạo hiểm để vào buôn bán. Người Anh và người Hòa Lan thiết lập cơ xưởng sản xuất cũng chỉ tồn tại một thời gian rồi phải đóng cửa.

Chính sách về ngoại thương là độc quyền của triều đình, mua hay bán sản phẩm đều bị kiểm soát nghiêm ngặt. Người Hòa Lan từ Macao sang miền Bắc chỉ đặc biệt chú trọng đến tơ lụa cốt để đem sang Nhật Bản bán lấy lời và thương vụ chủ yếu của người Nhật đến Đông Nam Á cũng là tơ lụa chưa chế biến (raw silk).⁽⁹⁾

Tuy ít được người nước ngoài biết đến, Thăng Long - thường được gọi dưới tên Đông Kinh hay Kẻ Chợ - ở thế kỷ XVII là một thị trấn lớn so với những thành phố khác ở Á Châu. Nhiều giáo sĩ đến nước ta thời đó cho biết kinh đô Thăng Long có đến hơn 20.000 nóc nhà, tính ra dân số khoảng 100.000 người. Con số này có lẽ được phóng đại vì nhu cầu truyền giáo hơn là thực tế. Theo Baron trong *A Description of the Kingdom of Tonqueen* viết cuối thế kỷ XVII thì cung điện vua Lê có tường gạch bao quanh còn dinh chúa Trịnh thì làm bằng gỗ.⁽¹⁰⁾

Về sau, ngôi vua của nhà Lê chỉ còn là hư vị nên cung điện hư nát nhiều mà không có tiền tu sửa. Sau những năm chiến tranh, đến cuối thế kỷ XVIII thì Thăng Long gần như hoang phế, không còn là nơi đô hội như trước nữa, mùa màng thất bát, đói kém xảy ra ở khắp nơi. Năm Mậu Tuất (1778) thóc lúa dân tích trữ không còn gì, giá gạo cao vọt, chỗ nào cũng có người chết đói.⁽¹¹⁾

Khi quân tam phủ nổi loạn, nhiều dinh thự đền đài bị đốt phá nên kinh thành lại càng xơ xác. Nguyễn Huệ cũng ra lệnh phá hủy nhiều công trình kiến trúc để lấy vật liệu về xây kinh đô mới ở Nghệ An. Khi quân Tây Sơn rút ra khỏi kinh thành, các thổ hào từ mạn ngược vào chiếm Thăng Long, cũng đốt phá sạch trước khi bỏ đi.

1. Gia vong

1.1. Sự lộng quyền của họ Trịnh

Năm Giáp Thìn (1664), Tây Vương Trịnh Tạc yêu cầu vua Lê Huyền Tông (mới có 10 tuổi) ban cho mình điển lễ đặc biệt *“vào châu vua không phải lạy, tờ chương tấu không phải xưng tên, khi lâm triều ngồi bên tả chỗ ngồi của vua”* mà sử thần đã phê là đến như *“Đồng Trác, Tào Tháo nhà Hán, Lưu Dụ nhà Tấn chưa từng làm mà Tạc dám làm”*.⁽¹²⁾ Năm Mậu Thân (1668), Trịnh Tạc lại nhân chiến công đánh họ Mạc tự gia phong là Đại Nguyên Soái Thượng Sư Thái Phụ Tây Vương. Dân gian vì thế gọi các chúa là Thượng Sư [kể cả chúa Nguyễn ở Nam Hà cũng bắt chước] nên người ngoại quốc thường nhắc đến dưới cái tên “Ong Chiang Su” [Ông Thượng Sư].

Vua Lê được hưởng thực ấp một nghìn xã, còn chúa Trịnh chủ động mọi việc hành chánh quân sự, kể cả phế vua nọ lập vua kia để dễ bề thao túng. Trịnh Tạc lại phong cho con là Trịnh Căn làm Nguyên soái, văn thư phủ chúa ban ra tiếm xưng *“lệnh dụ”*. Đến đời các chúa Trịnh Cương (Nhân Vương), Trịnh Giang (Thuận Vương) lại càng quá quắt. Trịnh Giang là người *“ngu tối, ươn hèn”*,⁽¹³⁾ tự phong làm Nguyên Soái, Thống Quốc Chính, Uy Nam Vương, vu cho vua Vĩnh Khánh (Lê Duy Phường) tội thông gian với vợ Trịnh Cương để phế đi, lập Lê Duy Tường lên ngôi, niên hiệu Long Đức.

Năm Kỷ Mùi (1739), Trịnh Giang giả thác là sứ thần nhà Thanh phong cho mình làm An Nam Thượng Vương, có ý muốn cướp ngôi nhà Lê. Năm sau, Trịnh Doanh (Ân Vương) lên ngôi vương, tôn Trịnh Giang làm Thái Thượng Vương. Từ đó trở về sau, vua Lê hầu như không còn quyền hành gì nữa. Để che đậy cảm xúc, vua Hiến Tông phải tiêu khiển hưởng nhàn nên ông làm vua rất bền (47 năm), qua mấy đời chúa Trịnh. Lê Hiến Tông chính là ông nội của Lê Duy Kỳ, người sau này lên ngôi lấy niên hiệu Chiêu Thống.

Phạm Đình Hồ thuật lại trong *Vũ trung tùy bút* như sau:

Bùi công Huy Bích 裴輝璧 có nói rằng: Họ Trịnh từ đời Nhân-vương (Trịnh Cương) trở về trước, còn giữ thân lễ [lễ bầy tôi với vua]. Các quan liêu-thuộc trong phủ chúa Trịnh, mới đặt có Hộ-phiên, Binh-phiên, Thủy-sư-phiên và Lịnh-sử-phiên mà thôi, trong triều vua Lê lục-bộ còn chữa đến nỗi thất-chức.

Trăm quan vào tâu việc đối với chúa Trịnh thì xưng mình là “ngu”. Chúa Trịnh có ra phủ-đường coi chính sự, thì bách quan đội mũ bình-đỉnh, mặc áo thanh-cát vào tham bái đứng hầu. Quan đại-thần ở phủ bộ vào bái-yết xong thì lên chỗ ngồi, đó là theo cái lễ vào tham-yết ở chốn tướng phủ. Khi nào nhà chúa khai-các ra tiếp-kiến tân-khách, thì bách quan đội khăn

lương, khăn yếm-vĩ, mặc áo thanh-cát, vào bái yết xong rồi thì cứ theo thứ tự mà ngồi, khoản tiếp phù-trà tử tế, đó là theo cái lễ tướng phủ ra tiếp khách.

Khi ấy nhà chúa có vào châu vua Lê, theo lệ tuy đã miễn-bái, nhưng khi chúa Trịnh nào mới được thụ sắc-phong ra thân chính thì cũng phải thân-hành vào triều-bái vua Lê. Đời vua Lê Hy-tôn lên thượng-thọ tám mươi, chúa Trịnh Nhân-vương cũng mặc áo triều-phục vào đứng ở bên hữu long-trì, thân ra đón-dã trăm quan vào lạy mừng. Vua Lê sai giải chiếu thất-trùng ở nơi bái-vị của chúa Trịnh để tiêu-biểu ra cho khác.

Đến khi Trịnh Thuận-vương (Trịnh Cường) (sic) [tức Trịnh Giang] nối ngôi, mới đặt ra Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công sáu phiên, cướp mất cả quyền quan Lục-bộ, lấy chức chuồng-thự tham-bồi làm quan chính-phủ đại-thần, từ bấy giờ chốn triều-đường vua Lê chỉ là hư-thiết mà thôi. Các quan vào tâu chúa Trịnh thì đổi chữ “ngu” xưng là “thần”. Chúa Trịnh ra thân-chính ở phủ-đường thì gọi là “thị triều 視朝”, khi nào ra tiếp khách ở ngoài các thì gọi là “khách triều 客朝”. Quan đại thần ở chốn phủ-bộ phải đợi chỉ nhà chúa cho ngồi mới được ngồi, thì gọi là “tọa đường 坐堂”. Còn cái lễ nhà chúa vào triều-bái trong nội điện vua Lê thì bỏ đi không hỏi đến nữa.

Nhà chúa có truyền chỉ ra thì trước kia vẫn gọi là lệnh-chỉ, sau này quyền-chính đều về nhà chúa, đệ-niên cứ đầu xuân ngày khai tử-ấn thời yết tờ lệnh-chỉ mới ra ngoài phủ-đường hoặc ngoài cửa các. Các quan võ-giai xuất thân và chức câu-kê trong sáu cung đều phải có lệnh-chỉ ban cho cả, còn các việc khác mà do nhà chúa truyền ra thì xưng là chỉ-truyền hay là chỉ-dụ, hoặc xưng là ngự là thánh cũng không khác gì như trong nội-điện vua Lê vậy.⁽¹⁴⁾

1.2. Thái tử Duy Vĩ bị hại

Khâm định Việt sử chép:

Tháng 3 (năm Kỷ Sửu, 1769). Sâm (chúa Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm) truất ngôi hoàng thái tử Duy Vĩ, rồi bắt giam vào ngục.

Thái tử lúc còn nhỏ, thông minh, nhanh nhẹn, xem rộng sách kinh, sách sử, đối với sĩ phu rất có lễ độ; thân dân không ai là không mến yêu thái độ, dung nghi. Trịnh Doanh rất trọng tài của thái tử, nên đem con gái trưởng là Tiên Dung quận chúa gả cho.⁽¹⁵⁾ Thái tử vẫn bực tức về nỗi nhà Lê mất quyền bính, khẳng khái có chí thu nắm lấy quyền cương. Trịnh Sâm lúc lớn lên làm thế tử, đối với thái tử, hấn vẫn ghen ghét về địa vị, tài năng. Một hôm, thái tử và Sâm cùng ở phủ đường được chúa Trịnh ban cho ăn cơm và bảo cùng ngồi một mâm, lúc ấy vợ Trịnh Doanh là Nguyễn thị ngăn đi và nói: “Thế tử và thái tử có danh phận vua tôi, lẽ nào được ngồi cùng mâm? Nên phân biệt ngồi làm hai chiếu”. Sâm đổi nét mặt, bước ra về, nói với người ngoài rằng: “Ta với Duy Vĩ hai người, phải một chết một sống, quyết không song song cùng đứng với nhau được”.

Kịp khi Sâm nối ngôi, bàn vụng với hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đình định mưu truất thái tử, nhưng không có lẽ gì buộc tội, bèn vu cho thái tử tư thông với người phủ thiếp của Trịnh Doanh, rồi đem tội trạng ấy tâu bày với nhà vua bắt thái tử giam vào ngục.

Trước đây, trong giếng Tam Sơn ở sau cung điện, bỗng nhiên có tiếng như sấm, thái tử e rằng tất xảy ra tai nạn, nói để nhà vua biết; nhà vua thường cầu đảo cho thái tử được thoát nạn. Đến nay, thái tử biết tin tai nạn phát sinh, vào ở tắm điện của nhà vua. Huy Đĩnh trước hết vào tìm khắp trong đông cung, nhưng không thấy, bèn vào thẳng điện đình kể tội trạng thái tử và nói với nhà vua rằng: “Tôi nghe biết thái tử ẩn nấp trong tắm điện của bệ hạ, xin bắt giao cho tôi”. Nhà vua ôm mãi lấy thái tử, không nỡ ly biệt. Huy Đĩnh cứ quỳ mãi ở dưới sân. Thái tử tự nghĩ không thể nào thoát nạn được, vừa khóc vừa lay trước mặt nhà vua, rồi rảo chân bước ra chịu trói. Khi đưa về phủ chúa Trịnh, Huy Đĩnh bắt thái tử trút mũ ra để nhận tội, thái tử không chịu, nói: “Bỏ vua này, lập vua khác, bạo nghịch giết vua, là việc làm đã quen của nhà bay, chứ ta có tội gì đâu? Việc này đã có sử xanh chép để ngàn đời!” Trịnh Sâm giả thác mệnh lệnh của nhà vua, truất thái tử làm thứ nhân, rồi giam vào ngục.⁽¹⁶⁾

Thái tử Lê Duy Vĩ là con trưởng vua Hiến Tông, có ba người con trai (theo lời khai của các bầy tôi nhà Lê khi chạy sang Quảng Tây thì họ không cùng mẹ nhưng rất thương yêu nhau).⁽¹⁷⁾ Người lớn nhất là Lê Duy Kỳ (sau lên ngôi niên hiệu Chiêu Thống), người kế tiếp là Lê Duy Lứu [hay Trứu] (Điền quận công),⁽¹⁸⁾ sau nữa là Lê Duy Chỉ (Lạn quận công).⁽¹⁹⁾

Khi Duy Vĩ bị tội oan, cả ba đều còn nhỏ. Theo *Hoàng Lê nhất thống chí* thì vợ thái tử là Nguyễn thị đem con chạy trốn nhưng bị chúa Trịnh bắt lại đem giam vào ngục. Vụ án không ngừng lại ở việc truất ngôi thái tử của Lê Duy Vĩ. *Khâm định Việt sử chép*:

...Tháng 12 (năm Canh Dân 1770). Sâm giết thái tử cũ là Duy Vĩ và điện tiền hiệu điểm Nguyễn Lệ.⁽²⁰⁾

Sau khi thái tử đã bị giam, Sâm muốn giết đi, nhưng chưa tìm được chỗ sơ hở. Đến nay, Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đĩnh nhờ người khác tố cáo vu ra rằng “bọn Trần Trọng Lâm và Nguyễn Hữu Kỳ cùng với bọn gia khách của thái tử là cống sĩ Vũ Bá Xưởng và tự thừa Lương Giản định mưu dấy quân, để cướp lấy thái tử ra khỏi ngục”. Rồi Huy Đĩnh đem việc ấy nói cho Sâm biết. Sâm hạ lệnh bắt đem trị tội. Lương Giản trốn. Bá Xưởng bị bắt, tra tấn nghiêm ngặt, lời cung của Bá Xưởng liên can cả đến Nguyễn Lệ. Lệ nói: “Thái tử là người sẽ nối ngôi vua sau này của một nước, nay không có tội gì mà bị giam cầm nhục nhã, thì định mưu cướp lấy thái tử đem ra là một việc nghĩa, nhưng thực tình tôi không được dự biết việc ấy. Nay nếu bức bách về sự khảo đả mà thú phục xằng, thì không phải là người có dũng khí, việc không mà nói có, thì không phải là người có nghĩa. Vả lại việc này bảo là Lệ này tự định mưu, họa chẳng còn có lý, chứ thái tử ở trong nhà giam, đến vợ con cũng không được ra vào, thì Lệ này từ đâu để yết kiến thái tử mà cùng nhau mưu tính được? Bây giờ chỉ có việc chết mà thôi, chứ Lệ này chả biết nói gì cả!” Nguyễn Lệ bị khảo đả, nát hết da thịt mà vẫn không thay đổi lời khai. Huy Đĩnh tự dựng thành bản án dâng lên. Sâm sai Huy Đĩnh thắt cổ giết thái tử, lại giết cả bọn Nguyễn Lệ và Bá Xưởng nữa. Sau hạ lệnh thu lấy sắc mệnh của Trần thị là hoàng hậu đã mất và là mẹ đẻ của thái tử; các con thái tử là Khiêm, Trù và Chi đều bắt đem giam cầm ở ngục Đề Lân.⁽²¹⁾

Ba đứa trẻ và mẹ bị giam trong ngục tới năm Nhâm Dần (1782), quân tam phủ nổi lên truất phế Trịnh Cán để lập Trịnh Khải, đầu năm Quý Mão (1783) mới được thả ra. Theo tuổi, khi bị giam thì Lê Duy Kỳ mới lên năm, hai người em chắc phải nhỏ hơn. Khi ra khỏi nhà lao, ông đã 16 tuổi, tính ra mẹ con ông bị cầm tù 11 năm. Tuy nhiên, theo lẽ thường thì ngay từ khi cha bị bắt, cuộc đời của những đứa trẻ này đã đi vào một ngõ cụt và chắc chắn cũng không vui sướng gì, tiếng là 11 năm nhưng đại hạn đã đến từ năm Kỷ Sửu (1769), tính ra hơn một giáp. Ba anh em tuy là con của thái tử, cháu nội vua Lê nhưng những ngày thơ ấu thật không bằng trẻ con nhà dân dã. Sử không chép rõ gia đình ông được ở chung với nhau trong ngục hay bị nhốt riêng nhưng suốt thời gian đó ắt hẳn không được học hành gì cả.

Theo *Khâm định An Nam kỷ lược* thì ngoài hai người em trai, Lê Duy Kỳ còn một [hay nhiều?] cô em gái mà khi ông lưu lạc sang Tàu thì còn lẫn trốn ở trong nước. Theo chỉ thị của vua Càn Long, Nguyễn Huệ đã tìm được người em gái đó và đưa sang Bắc Kinh để đoàn tụ với mẹ và anh. Chi tiết này không thấy chép trong sử nước ta.⁽²²⁾

Trong khi anh em Lê Duy Kỳ bị giam trong ngục, chúa Trịnh không chỉ lấn lướt vua Lê mà còn có ý định cướp ngôi. Theo *Khâm định Việt sử*, tháng Chạp năm Đinh Dậu, Cảnh Hưng 38 (1777), nhân kỳ tuế cống, Trịnh Sâm sai Tả Thị lang Vũ Trần Thiệu cầm đầu sứ bộ sang nhà Thanh. Sâm làm tờ mật biểu tâu lên vua Càn Long rằng “*nhà Lê không có người con cháu nào hiền tài*”, dận họ Vũ tâu lên, đồng thời cho người đút lót để xin phong tước cho mình. Khi đi đến hồ Động Đình, Trần Thiệu giả vờ có bệnh, đang đem đem tờ biểu đốt đi rồi uống thuốc độc tự tử.⁽²³⁾

Chúa Trịnh cũng âm mưu sang đoạt chiếc ấn An Nam quốc vương của nhà Thanh ban cho họ Lê nên khi lên ngôi, Lê Duy Kỳ phải dâng biểu gửi Tổng đốc Lương Quảng để nhờ xin lại chiếc ấn khác nhưng nhà Thanh còn đang điều tra, chưa trả lời thì hoàng tộc đã phải xuất biên. Trong một hoàn cảnh mà chúa Trịnh chỉ muốn tông tộc nhà Lê bớt người nào hay người ấy, không nói gì đến con cháu vua Hiến Tông đang bị giam cầm, ngay cả tôn thất đang ở kinh thành cũng thấy tính mạng như treo trên sợi tóc.

Cuộc đời ba anh em Lê Duy Kỳ chỉ được tạm yên trong ba năm (1783-1786) khi phủ chúa bận tranh chấp quyền hành và đối phó với quân tam phủ, tạm quên gia đình vua Lê. Từ đầu năm 1783 đến giữa năm 1786 có lẽ là quãng thời gian thoải mái nhất trong suốt 27 năm tại thế của Lê Duy Kỳ. Tuy vậy không phải là không có những lúc sống chết trong đường tơ kẽ tóc, nguy hiểm không phải đâu xa mà chính ngay từ người trong nhà.

Khi Lê Duy Kỳ được tha ra, miền Bắc vẫn còn có cả vua lẫn chúa. Đương kim Hoàng đế Lê Hiến Tông là ông nội của ông còn chúa Trịnh khi đó là Đán Nam Vương Trịnh Khải. *Khâm định Việt sử* chép:

...*Trước đây, Duy Cận (con thứ tư vua Hiến Tông) được lập làm hoàng thái tử, chính là do Trịnh thái phi Nguyễn thị tán thành. Đến nay thấy thái tôn (tức Lê Duy Kỳ) trở về, Nguyễn thị sợ Duy Cận mất ngôi thái tử, bèn sai*

hoạn quan là Liêm Tăng (sót họ) đến bắt ép thái tôn sang châu, để toan bí mật giết đi. Thái tôn từ chối không được, sa nước mắt khóc mà ra đi; khi đi đường bị quân tuần sát ngăn lại. Vì thế các quân lính dức lác âm ỉ, yêu cầu tra cứu cho ra người lập mưu làm hại thái tôn, họ lùng kiếm Liêm Tăng không được, ngờ là Duy Cận chủ mưu. Lúc ấy, Duy Cận đương châu Trịnh thái phi, nghi trượng để ngoài cửa phủ đường, quân sĩ liền đập phá tan nát. Duy Cận sợ, phải thay đổi quần áo đi lên về cung.

Trịnh Khải biết việc này là do thái phi gây ra, nhân dụ dỗ quân sĩ chớ làm huyên náo, rồi lập tức hạ lệnh cho bày tôi trong triều xin nhà vua lập Duy Khiêm (tức Lê Duy Kỳ) làm hoàng thái tôn. Lúc ấy Duy Khiêm 18 tuổi. Lại bắt Duy Cận làm tờ biểu nhường ngôi thái tử. Duy Cận bị truất làm Sùng Nhượng công.⁽²⁴⁾

Nếu quả thực Lê Duy Cận có âm mưu hại cháu như thế thì phải nói rằng vua Chiêu Thống cũng còn nhiều nhân tình vì sau này khi Tôn Sĩ Nghị đòi đưa Duy Cận sang an táp ở Trung Hoa, chính Lê Duy Kỳ đã xin cho Duy Cận được ở lại để mình lo liệu với lý do Duy Cận là người “si ngốc” không đáng lo, vì biết rằng một khi bị đày sang Trung Hoa sẽ không còn bao giờ trở lại quê hương được nữa.

1.3. Lê Duy Kỳ được phong hoàng thái tôn

Lê quý dật sử [nhiều phần tác giả là Bùi Dương Lịch] chép như sau:

Khi đó, quân sĩ đã tôn lập ngôi chúa, lại thả con cố thái tử [Lê Duy Vĩ] bị giam là Duy Khiêm, Duy Tự, Duy Chi rước về nội điện. [Quân lính] lại đến cửa khuyết xin lập hoàng thái tôn. Vua ban sắc thưởng cho quân sĩ hai nghìn lạng bạc và ban cho mỗi người thêm một bậc chức tước và cho phép nhường cho họ hàng quen biết để lấy đó làm ơn, giáng hoàng tử thứ tư [Duy Cận] trước đây được lập để nối dòng, làm Sùng Nhượng công, ra sức [sắc ?] chỉ lập Duy Khiêm làm hoàng thái tôn. Lời văn của sắc chỉ:

Kính nghĩ:

Hoàng tôn là dòng cháu đích, tuổi đã trưởng thành. Ta nhờ tự vương [tức chúa mới Trịnh Khải] mở rộng được mưu lớn, xoay chuyển càn khôn được đúng đắn, người là đích tôn, noi theo đức xưa giữ đồ thờ cúng.⁽²⁵⁾

Việc Trịnh Sâm bỏ trưởng lập ấu đã đưa đến loạn kiêu binh. Nay khi Trịnh Khải trở lại làm chúa lại nảy sinh ra mâu thuẫn giữa chúa Trịnh và binh lính. Chúa Trịnh sợ binh sĩ tôn phò hoàng thái tôn, một mai khi Lê Duy Kỳ làm vua thì cơ nghiệp nhà Lê có cơ khôi phục, quyền hành nhà chúa sẽ bị bớt đi nên lại có ý muốn trấn áp quân tam phủ. Trịnh Khải lại tin dùng bọn Mai Doãn Khuê, Nguyễn Lệ,⁽²⁶⁾ Nguyễn Triêm... sai họ dẹp kiêu binh đồng thời giám sát hoàng tự tôn Lê Duy Kỳ.

Bọn Nguyễn Lệ, Nguyễn Triêm trừ được một số lính tam phủ nhưng sau đó quân sĩ nổi lên, Nguyễn Triêm bị giết, chúa Trịnh phải cách chức Nguyễn Lệ. *Khâm định Việt sử* chép:

...Từ đấy, quân sĩ mỗi khi ra ngoài kéo từng đàn hàng trăm hàng ngàn người, tung hoành nơi thôn xóm, tự ý cướp bóc thả cửa. Quân sĩ nào đi đường một mình, thường bị dân quê đón đường giết chết. Quân và dân coi nhau không khác gì giặc cướp thù hằn.⁽²⁷⁾

Lịch triều tạp kỷ viết:

...Bởi vậy hễ lính Thanh-Nghệ nào lệ thuộc ở các trấn mà trốn đi, khi đi qua các xóm làng không dám cất tiếng nói, có kẻ nào lỡ mồm nói tiếng Thanh-Nghệ mọi người nghe biết thì giết liền. Chúng thường phải giả câm, ăn xin ở dọc đường để lén vào kinh đô, đồn đại lên rằng chẳng mấy ngày nữa, bốn phương [sẽ kéo quân] đến tập hợp ở dưới chân thành. Các quân Thanh-Nghệ đóng ở kinh đô bèn họp nhau lại, bàn mưu chống cự, chia đường kéo ra các mặt Đại Phùng và Vĩnh Kiều đều bị thổ hào đánh bại, chúng phải quăng bỏ áo giáp đeo vết thương mà về. Kinh đô rung động. Những người ở phố phường chợ búa đều dắt díu nhau chạy ra khỏi thành. Chư quân vừa sợ vừa giận, gọi Tông [Trịnh Khải] là “chúa giặc”.⁽²⁸⁾

Những xung đột nội bộ của miền Bắc đã khiến cho hệ thống chính trị và quân sự Đàng Ngoài suy yếu đưa tới việc Nguyễn Huệ đem quân ra mà không gặp một lực lượng kháng cự nào đáng kể. Năm ấy là năm Bính Ngọ (1786), Lê Duy Kỳ được 19 tuổi.

2. Quốc phá

2.1. Tây Sơn ra Bắc

Khi Nguyễn Huệ ra Bắc, ông nghe theo lời khuyên của Nguyễn Hữu Chỉnh, nêu cao danh nghĩa “*Phù Lê diệt Trịnh*” để thu phục lòng người. Chính chiêu bài này đã khiến cho quân chúa Trịnh buông giáo đầu hàng rất nhanh. Thành Thăng Long hỗn loạn:

Những người tránh “giặc” chạy ra ngoài thành đều bị dân phụ cận cướp bóc. Quân sĩ bại trận kết bầy hàng trăm hàng ngàn tay cầm gươm giáo, nhưng chỉ mới trông thấy vài ba trẻ chăn trâu đi qua là đã hoảng hốt bỏ tay, vứt hết mọi thứ trong người mà chạy. Các làng xã gần nhau thì cướp bóc lẫn nhau, đón đường chặn khách bộ hành lột quần áo, nên đường sá vắng tanh.⁽²⁹⁾

Trịnh Khải bỏ chạy, chung quanh chỉ còn vài người nên đã bị “*phản*” trong một tình thế rất hy hữu.

Đoan vương chạy đến [làng] Hạ Lôi thuộc Văn Lãng. [Lý] Trần Quán sai học trò của mình người làng Vân Diêm đến đón. Quân Tây Sơn đuổi kịp. Dân có kẻ tên là Tuần Trang phản chúa, người Vân Diêm biết sự tình không thể làm gì được, tranh nhau với Tuần Trang, bức chúa dâng cho Tây Sơn để lấy công.⁽³⁰⁾

Thấy thế cùng Đoan Nam Vương tự tử. Quân Tây Sơn vào thành, dùng phủ chúa làm quân doanh nhưng đốt hết nhà cửa chung quanh. Nguyễn Huệ cho đem xác Trịnh Khải về kinh. Bọn tên Trang và Ba [người Vân Diêm] đều tự cho mình là người có công bắt được Trịnh Khải nên tranh nhau vào lãnh thưởng.

Huệ hỏi Ba rằng: “Có đúng là chúa Trịnh không?” Ba thưa: “Chính phải”. Huệ lại hỏi: “Nhà người làm sao lại biết?”. Ba thưa: “Tôi đã từng là gia thần [của chúa]. Huệ nói: “Là kẻ bày tôi mà bắt vua thì tội đáng xử chém”. Bèn sai kéo Ba ra chém.”⁽³¹⁾

Theo những nhân chứng sống ở kinh thành, lính Tây Sơn chia nhau đóng ở mọi nơi công thự, quần áo hỗn tạp không thống nhất. Người miền Bắc coi họ là “*man binh*” [蠻兵] ý nói họ là những kẻ mọi rợ từ phương nam tiến lên. Trong văn chương ta thấy các nhà Nho gọi Nguyễn Huệ là “*cuồng Chiêm*” [狂占], “*hắc tử*” [黑子] với hàm ý khinh miệt. Tuy nhiên, người ta vẫn phải công nhận rằng “*quân lệnh của Tây Sơn rất nghiêm, không ai dám lấy một mảy của dân*”.⁽³²⁾

Ngay lúc đầu, Nguyễn Huệ đã thấy không vừa ý khi ông được phong tước công:

...Ngày mồng 8 [tháng Bảy năm Bính Ngọ, 1786]. Vua Lê đặc cách sai triều thần bưng tờ chiếu sắc sang bên phủ [phủ chúa Trịnh, nơi Nguyễn Huệ đóng quân] tuyên phong Nguyễn Văn Huệ tước Nguyên súy Phù chính dực vũ Uy quốc công. Huệ chịu phong xong, sai người kính dâng lễ tạ, cực kỳ chu tất. Rồi bảo riêng Nguyễn Hữu Chỉnh rằng: “Ta đem vài vạn quân ra đây, chỉ một trận là dẹp yên Bắc Hà, một tác đất, một người dân, gì mà chẳng phải của ta cả. Ví bằng ta muốn xưng đế, xưng vương, có gì là chẳng được, sở dĩ nhường nhịn mà không làm, chỉ là hậu đãi nhà Lê đó thôi.”⁽³³⁾

Để lấy lòng, Nguyễn Hữu Chỉnh phải giả thác là vua Lê muốn kết thân, và làm mai để vua Hiến Tông gả công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ. Tổng kết nhiều tài liệu khác nhau, ta thấy quả thực triều đình vua Lê hết sức cùng kiệt. Trong nhiều năm, vua Lê và tông tộc chỉ lo việc lễ nghi, ăn thực ấp còn tài sản, tiền bạc ở miền Bắc đều ở trong tay chúa Trịnh và giới quý tộc, quan lại dưới quyền phủ chúa.

Khi Nguyễn Huệ ra Bắc có lẽ cũng chỉ tính ở đây một giai đoạn tạm thời nên vàng bạc, châu báu thu vét cả. Hôn lễ của công chúa cũng là dịp triều đình lấy lại chút uy tín vì có một số sinh lễ của người con rể mới:

...Ngày 11, Nguyên soái Nguyễn Huệ đưa ra 200 lạng vàng, 2.000 lạng bạc và 20 tấm gấm để làm sinh nghi, sai bọn thân thuộc dâng tờ biểu cầu hôn và lễ vật đến điện Vạn Thọ, có nghi trượng nhà binh và tàn tán cờ xí dẫn đầu hoặc rước theo sau. Vào tới trong điện, đợi đến dâng tiến. Vua Lê sai hoàng tử Sùng Nhượng công Lê Duy Cận tiếp nhận lễ vật đem cáo nhà Thái Miếu. Qua bữa sau làm lễ cưới. Khi công chúa Ngọc Hân vu quy, từ cửa đền vua đến cửa phủ quân thứ, đều được Huệ cho dàn bày khí giới và nghi trượng một cách oai nghiêm rực rỡ. Người xem đều cho là một việc hiếm thấy xưa nay. Lại có kẻ hơi tỏ ý chê cười khinh bỉ. Xe Ngọc Hân đến cửa phủ, Huệ đi kiệu rồng vàng ra đón làm đúng như lễ cưới mọi đám khác. Các hoàng thân, các bà phi, các bà chúa và văn võ bách quan sau khi dự yến xong rồi, Huệ liền đưa ra 200 lạng bạc chi tiền mọi người đi đưa dâu. Huệ còn đi tiễn ra gần cửa phủ, mới trở về.”⁽³⁴⁾

Trong di văn của Lê Duy Đản có thêm một số chi tiết:

Năm Bính Ngọ, Nguyễn Huệ xâm chiếm kinh thành, giả danh tôn phù. Vua Cảnh Hưng giả công chúa cho. Quốc lão Nguyễn Viện [阮院]⁽³⁵⁾ và Tham tụng Trần Công Xán [陳攻燦], Bồi tụng Uông Sĩ Lãng [汪士朗], Nguyễn Duy Hợp [阮惟洽] cùng hạ liêu vài ba người đưa dâu. Nguyễn Huệ thưởng cho 100 lạng bạc. Người ta chê cười rằng có vậy mà cũng tranh nhau kẻ nhiều người ít.⁽³⁶⁾

2.2. Chiêu Thống lên ngôi

Sau khi công chúa thành hôn được vài ngày thì vua Hiến Tông mất, thọ 70 tuổi. Lê Duy Kỳ lên nối ngôi, niên hiệu Chiêu Thống. Khi vua Hiến Tông mất, ông dặn cháu rằng:

- Sớm hôm ta sẽ cất được gánh nặng, nỗi lo âu sẽ trút vào thân cháu. Cháu phải nhớ lấy. Sau khi ta nhắm mắt rồi, truyền nói là việc trọng đại, cháu nên nhất nhất bẩm báo để Nguyễn Văn Huệ biết. Phải thận trọng, đừng có khinh suất.⁽³⁷⁾

Tuy nhiên, Lê Duy Kỳ cũng muốn dần dần tự lập, thoát khỏi cái cảnh đã có vua lại có chúa mà nhà vua chỉ ngồi làm vì như ông nội mình đã chịu đựng mấy mươi năm qua, con bị giết cũng đành chịu không dám than thở. Vì thế, ông tự mình lo việc tang ma và lên ngôi, không muốn Nguyễn Huệ tham dự vào việc triều đình một cách thái quá. Chính việc dửng dưng đó đã đưa tới sự bất mãn khiến Nguyễn Huệ sau này có bụng muốn cướp ngôi nhà Lê và khi bất đắc dĩ thì cũng chỉ lập Lê Duy Cận là người đối lập với vua Chiêu Thống.

Những người có đôi chút thế lực - dù là tướng lĩnh Tây Sơn, thổ hào hay cả những người được hưởng tước vị triều đình - cũng chẳng có ai thực tâm phù Lê, không làm được điều gì tích cực để ổn định Bắc Hà. Tình hình rối ren của miền Bắc đã tạo một khoảng trống trong hệ thống quyền lực.

Hãy thử kiểm điểm lại ba lãnh vực chính yếu: quân đội, nhân sự, tài chánh để đánh giá di sản mà Lê Duy Kỳ có được cũng như nỗ lực của ông và bầy tôi trong vài tháng ngắn ngủi của triều đình miền Bắc.

Quân đội

Đến đời Lê, tổ chức hành chánh và quân sự của Đàng Ngoài đã đến mức khá hoàn chỉnh. Năm 1724, chúa Trịnh Cương mở khoa thi võ đầu tiên để tuyển mộ võ quan gọi là bác cử (博舉) và sở cử (所舉). Trước đó, từ năm 1721, triều đình đã mở trường võ học để huấn luyện về quân sự cho con cháu các nhà quyền quý ở kinh đô. Khoa thi bác cử mở vào những năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi còn sở cử vào những năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Thi võ gồm ba kỳ, kỳ thứ nhất hỏi về binh thư Tôn Tử, kỳ thứ nhì thi tài cưỡi ngựa, đấu côn, kiếm và múa đao. Những ai qua được hai kỳ này được gọi là sinh viên (生員).⁽³⁸⁾ Kỳ thứ ba là kỳ sát hạch về chiến lược, nếu thi đỗ thì gọi là học sinh (學生) hay biện sinh hợp thức và có thể thi tiếp kỳ thi bác cử. Những ai đỗ kỳ thi bác cử được gọi là tạo sĩ (造士) tức là tiến sĩ võ. Qua năm 1731,

chúa Trịnh Giang cải tổ lại các kỳ thi võ giống như của Trung Hoa, hai kỳ đầu chỉ thi kỹ thuật và thể lực, kỳ thứ ba mới thi binh thư. Chúa Trịnh Giang cũng mở thêm những kỳ thi đặc biệt cho những người đang ở trong quân ngũ muốn thăng tiến trong binh nghiệp gọi là hoành tuyển (宏選).

Ở miền Bắc, quân đội hiện dịch vào khoảng từ 6 đến 7 vạn người, chia ra làm 12 doanh (營), 58 cơ (奇), 285 đội (隊) và 62 thuyền (船). Mỗi doanh có từ 160 đến 800 người, mỗi cơ từ 200 đến 500, mỗi đội từ 15 đến 275 và mỗi thuyền từ 20 đến 86 người.⁽³⁹⁾ Xem như vậy, quân số nhiều ít không nhất định và tùy theo từng đơn vị, từng địa phương. Các doanh, cơ, đội cũng thường đi theo các chữ tả, hữu, tiền, hậu, trung là cơ chế ngũ quân ảnh hưởng của Trung Hoa.

Tổ chức quân sự của miền Bắc cũng còn theo phương hướng đông, tây, nam, bắc để chia thành năm vùng gọi là Ngũ phủ (五府) bao gồm:

- Trung quân phủ lấy binh lính từ Thanh Hóa, Nghệ An vốn dĩ là nơi xuất phát của Lê triều và chúa Trịnh, còn được gọi là ưu binh (優兵).⁽⁴⁰⁾
- Đông quân phủ bao gồm binh lính từ Hải Dương, An Quảng.
- Nam quân phủ là lính ở Sơn Nam.
- Tây quân phủ là lính thuộc Hưng Hóa.
- Bắc quân phủ là lính của Kinh Bắc.

Mỗi phủ dưới quyền chỉ huy của hai đô đốc (都督), một tả một hữu, một đồng tri (同知) và một thiêm sự (添事). Thời bình, quân trực thuộc phủ chúa là trung quân, tức ưu binh tam phủ nên khi đạo quân này tan rã rồi, dưới tay vua Lê hầu như không còn quân đội nào cả.

Cứ như sách vở thuật lại, khi Tây Sơn rút đi, triều đình nhìn quanh cũng chỉ có vài viên quan văn, quân sĩ thì hầu như không có ai cả. Vua Chiêu Thống đành phải truyền hịch cho các gia đình có thế lực các nơi về bảo vệ hoàng gia. Một số hào kiệt các nơi như Lê Quýnh,⁽⁴¹⁾ Vũ Trinh hưởng ứng. Hai vị hoàng đệ, các hoàng thân cũng gây được vài nghìn quân túc vệ.

Nhân sự

Tuy trên danh nghĩa Đảng Ngoài là đất thuộc nhà Lê nhưng trên thực tế, mọi quyền hành trong hơn hai trăm năm qua đều ở trong tay họ Trịnh. Khi Nguyễn Huệ “*giao trả nước*” cho nhà Lê, thực lực vẫn ở trong tay các sứ quân, mỗi người chiếm cứ một vùng. Tuy những sứ quân đó mang tước hiệu công hầu nhưng họ đều là những thế lực riêng rẽ, không dưới quyền điều động của ai, nếu vua Lê muốn nhờ họ làm một việc gì thì chỉ là một sự trao đổi, gần như thuê. Tình hình đó khiến những lãnh chúa này thay đổi lập trường như chong chóng và không một khu vực nào còn trung thành với triều đình để có thể sử dụng làm bàn đạp giúp vua Lê quét khỏi, nếu có cần vương thì chưa được việc đã đòi hỏi còn quá thời chúa Trịnh khi trước.

Cái chết thảm khốc của thái tử Duy Vĩ và kinh nghiệm 11 năm tù đầy đã cho Lê Duy Kỳ một kinh nghiệm sâu sắc. Đó là bằng mọi giá phải cố gắng tự lập để thâu lại quyền hành, không thể để cho một “chúa” khác nắm quyền sinh sát. Vậy thì trung thành với nhà Lê còn lại những ai?

Chung quanh vua Lê khi đó chỉ còn một số các bậc khoa bảng, được đào tạo trong cửa Khổng sân Trình nêu cao tấm lòng trung nghĩa một cách sách vở. Những Nho sĩ đó không có thực lực, cũng không đủ uy tín và luôn luôn phải đi tìm một sứ quân để theo phò. Những sứ quân đó dễ thay lòng đổi dạ một khi yếu thế nên thường tạo ra những tai họa bất ngờ. Ngay cả những thổ hào hay viên chức nhỏ ở hương thôn cũng mua vua, bán chúa nếu có cơ hội.

Ở thời kỳ đó, chính tà chân ngụy không có ranh giới rõ rệt, nhiều người hết làm quan cho nhà Lê lại làm quan cho Tây Sơn, sau đến khi Nguyễn Ánh thống nhất sơn hà thì lại làm quan cho triều Nguyễn.⁽⁴²⁾ Người ngoài Bắc vì thế mới có thơ rằng:

黎朝進士二十四
八真八偽八真偽
如今脫劫纏頭巾
未覽誰非又誰是

*(Lê triều tiến sĩ nhị thập tứ,
Bát chân, bát ngụy, bát chân ngụy.
Như kim thoát kiếp triền đầu cân,
Vị lâm thù phi hựu thù thị)*
Hai mươi bốn ông tiến sĩ triều Lê,
Tám thật, tám giả, tám giả thật.
Nếu như bỏ khăn bịt đầu xuống,
Chẳng biết ai là đúng ai là sai.⁽⁴³⁾

Trong khi vua Lê cố gắng củng cố quyền hành thì giới quan lại vẫn theo thói cũ, kẻ thì đi tìm dòng dõi họ Trịnh để phò tá, lẩn lút triều đình, người thì thấy gió đã xoay chiều, mắt trước mắt sau liên lạc để ngả theo Tây Sơn mưu cầu công danh. Có người trên danh nghĩa làm quan với nhà Lê nhưng lại ngầm ngầm phản bội, sẵn sàng truất phế chúa cũ để suy tôn chúa mới. Chính vì thế, tuy Lê Duy Kỳ cố gắng cải thiện tình hình nhưng vì thiếu tiền bạc và nhân sự nên không mấy sáng sửa.

Tài chánh

Khi quyền hành còn trong tay chúa Trịnh, tuy mang tiếng là vua nhưng vua Lê chỉ được hưởng thực ấp một nghìn xã, một thứ quan lại ăn lương để trông coi các việc lễ nghi tế tự. Vua Lê không có ngân sách, cũng không có những nguồn lợi nào cụ thể để chi phí khi cần. Khi Nguyễn Huệ ra Bắc, ông thu thập tất cả các kho tàng của chúa Trịnh đem về Nam, để lại một đất nước rỗng không như vua Lê phải thú nhận. Chỉ trong hai năm, hết quân Tây Sơn đến các thổ hào, kinh thành Thăng Long bị cướp phá không biết bao nhiêu lần nên về sau chỉ là một nơi hoang tàn, đổ nát không còn gì nữa. *Khâm định Việt sử* chép:

Sau khi quân giặc [Tây Sơn] đã rút đi, nhà vua lập tức triệu bầy tôi trong triều bàn luận rằng: “Giặc để lại cho ta một nước trống rỗng, nếu có sự nguy cấp, thì chống đỡ bằng cách nào?” Bèn viết thư triệu hết những người thế gia và bầy tôi cũ đầy quân vào bảo vệ hoàng thành. Vì thế, hào mục các

nơi chiếm giữ châu quận, chiêu tập binh mã, đều mượn danh nghĩa “bảo vệ”. Những hạng vô lại đánh giết lẫn nhau, trong nước thành ra rối loạn.⁽⁴⁴⁾

Khi Nguyễn Hữu Chỉnh ra Bắc, kho tàng rỗng tuếch, không thu được đồng ở các mỏ thượng du nên phải thu vét đồ đồng ở đền chùa đúc tiền *Chiêu Thống thông bảo*.⁽⁴⁵⁾

Văn học

Vua Lê tuy còn trẻ, khi lên ngôi mới 20 tuổi nhưng đã chuộng văn học. Ngay tháng Ba năm Chiêu Thống nguyên niên (Đinh Mùi, 1787) đã mở kỳ thi Chế khoa. Lối thi này là lối thi mới gồm 10 khoa, phỏng theo cách thức của Tư Mã Quang nhà Tống kén chọn nhân tài dựa trên đức độ, tiết tháo, mưu trí và sức khỏe, thông minh, công bằng, tinh thông kinh sử, bác học, văn tài, khéo xét xử, giỏi tài chính, thuế khóa, hiểu biết pháp luật.

Khoa này lấy Bùi Dương Lịch và Trần Bá Lãm ngang với tiến sĩ. Ngoài ra còn có Nguyễn Huy Túc và Nhữ Công Vũ được cất nhắc lên bậc tiến triều, những người khác có tài thì cho làm viên ngoại lang, tri châu, tri huyện. Những người có thực tài, thực dụng đều được bổ dụng.⁽⁴⁶⁾

Đến tháng Mười cùng năm, lại mở khoa thi Hội cho các cống sĩ, tổng cộng có đến 1.212 người dự thi, lấy 14 tiến sĩ, Bùi Dương Lịch đỗ đầu (Thám hoa). Theo *Nghệ An ký* thì:

Tháng 3 năm Chiêu Thống thứ 1 (1787), vua xuống chiếu tiến cử các kẻ sĩ hiền lương phương chính. Vua cho Lịch tới [Bùi Dương Lịch] sung chức Cung phụng sứ ở Viện Nội Hàn. Vua ham học kinh sách, quan Kinh diên cứ 6 ngày đến giảng một lần, còn trong Viện Nội Hàn mỗi ngày giảng một lần. Lịch tới còn được ân sủng vào thẳng điện Tập Hiền, để sẵn sàng khi vua hỏi. Mỗi khi được vào hầu vua thì vua thường khăn áo chỉnh tề, cho ngồi bàn trà, quyền chúc hợp ca [?]. Em thứ hai vua Hoàng nhị đệ là Hiền [Điền] quận công [Lê Duy Trụ]⁽⁴⁷⁾ cũng rất yêu kính, mỗi khi tới vào hầu vua trở ra, đều mời về nhà riêng để giảng nghĩa kinh.⁽⁴⁸⁾

PHẦN II: TÂY SƠN CHIẾM MIỀN BẮC, VUA LÊ XUẤT BÔN

1. Tây Sơn chiếm đất Bắc

1.1. Trịnh Bồng

Tuy tài liệu về thời kỳ vua Chiêu Thống nhà Lê cai trị miền Bắc chỉ có rất ít, xen lẫn trong những biến cố dồn dập của một triều đại đã suy tàn, chúng ta cũng tìm được một số điểm đáng ghi nhận.

Nguyên khi vua Chiêu Thống lên nối ngôi, tuy họ Trịnh không còn làm chúa nữa nhưng thực tế dư đảng vẫn còn nhiều. Trong khi Nguyễn Nhạc muốn dứt khoát không can thiệp vào việc của miền Bắc, chỉ “*ước hẹn đời đời làm láng giềng giao hiếu với nhau*”⁽⁴⁹⁾ thì Nguyễn Huệ vẫn có tham vọng nắm giữ quyền hành ở miền Bắc. Khi Tây Sơn bỏ đi, các hoàng thân quốc thích chỉ chiêu mộ được vài nghìn binh sĩ chia ra giữ bốn phía hoàng thành nên vua Lê phải viết thư triệu các thế gia và bày tôi cũ dấy binh bảo vệ kinh đô. Nhân cơ hội đó, thổ hào mỗi người chiếm cứ một phương, đánh giết lẫn nhau.⁽⁵⁰⁾

Nhân dịp này, Trịnh Lệ [em Trịnh Sâm] ở Văn Giang cùng hai cựu thân là Trương Tuân (張詢), Dương Trọng Tế (楊仲濟) trở về chiếm lại phủ chúa định lên ngôi. Một người họ Trịnh khác là Trịnh Bồng (鄭逢) cũng quay lại tranh quyền với Trịnh Lệ khiến vua Lê bất đắc dĩ phải phong cho Bồng làm Tiết chế thủy bộ chư quân, Bình chương quân quốc trọng sự, Thái úy Côn quốc công [*Lê quý kỷ sự* (1974) trang 49 viết là Côn quận công].

Vua Lê vốn không muốn họ Trịnh trở lại nên cấp cho Bồng 3.000 lính, 5.000 mẫu ruộng và 200 xã giữ việc thờ cúng họ Trịnh, lại làm sắc dụ nói rõ đây chỉ là tước công thế tập. Dư đảng họ Trịnh là Đinh Tích Nhưỡng và một số cựu thân xu thời lại nài ép vua Lê phong vương cho Trịnh Bồng. Vua Lê nói:

Ngày trước nhà ta suy vi, nhờ được họ Trịnh khôn phù, rồi quyền bính về họ Trịnh, việc tế lễ vì [về] ta. Đó là một thời. Nay mệnh trời đã đổi, tổ tông thiên hạ ở cả một mình ta, một nước hai vua há nên lấy đó làm lẽ. Vả lại họ Trịnh đã được rồi, họ Trịnh lại tự để mất đi, chứ nào ta có phụ gì họ Trịnh?⁽⁵¹⁾

Được mấy ngày, Đinh Tích Nhưỡng đem quân vây điện, cầm súng tuốt gươm. Các tôn thất và quan đại thần sợ sinh biến, khóc lóc, khuyên van mãi vua mới bất đắc dĩ phong Bồng làm Yến Đô Vương [tức trở lại thời vua Lê chúa Trịnh].⁽⁵²⁾ Họ Trịnh lấy lại ngôi chúa rồi, thủ hạ cậy công cướp bóc nhân dân.

1.2. Nguyễn Hữu Chỉnh

Thấy ngôi vua lại có cơ trở thành hư vị như các đời trước, vua Chiêu Thống đành bí mật vời Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An ra giúp. Việc nhờ vả Nguyễn Hữu Chỉnh hẳn là rất miễn cưỡng vì Chỉnh hiện đang đóng một vai trò mập mờ. Tuy Bằng quận công vốn là bấy tôi nhà Lê nhưng đã chạy theo anh em Nguyễn Nhạc, nay đang trấn thủ một khu vực vốn đã bị nhường cho Tây Sơn [để trả công phù Lê cho Nguyễn Huệ] và triều đình đang tìm cách chuộc lại nên việc nhờ cậy Nguyễn Hữu Chỉnh đã tạo nên một mối lo tâm phúc cho Nguyễn Huệ [khi đó đang vướng mắc vào tranh chấp với vua Thái Đức Nguyễn Nhạc], vốn e ngại một sự ly khai của Bắc Hà.

Nguyễn Hữu Chỉnh kéo quân ra, đánh bại Trịnh Bồng ở sông Thanh Quyết khiến tất cả kinh thành kinh hoàng. Yến Đô Vương chạy sang Dương Xá, rồi lại chạy sang Quế Ô [桂塢]. Vua Chiêu Thống sợ họ Trịnh quay trở lại, quần thần bàn nên đốt vương phủ để triệt đường về. Vua Lê nghe theo. Khi Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân tới, vua Lê cho bách quan nghênh tiếp vào ở cung Tây Long và phong cho Chỉnh tước Bình chương quân quốc trọng sự, Đại tư đồ, Bằng quốc công, binh lính thì cho đóng ở bờ sông bên ngoài kinh thành.

Dư đảng họ Trịnh lại nổi lên, Nguyễn Hữu Chỉnh sai Nguyễn Như Thái và Hoàng Viết Tuyền đem quân đánh dẹp bắt được Dương Trọng Tế đem về kinh đô xử tử. Hoàng Phùng Cơ từ Sơn Tây tiến đánh kinh đô bị bộ tướng của Chỉnh là Lê Duật đánh tan, phải uống thuốc độc chết.

Nguyễn Hữu Chỉnh cũng bí mật liên lạc với trấn thủ Nghệ An [người của Tây Sơn] là Nguyễn Văn Duệ mưu phản Nguyễn Huệ, cốt biến vùng Thanh-Nghệ thành một trái độn để chia bớt thế lực. Cùng lúc đó, vua Lê lại sai Trần Công Xán làm chánh sứ vào tận Phú Xuân để thương lượng đòi đất Nghệ An nhưng Bình Vương Nguyễn Huệ không bằng lòng, sai người tìm cách đục thuyền giết toàn bộ phái đoàn ở cửa Đồn Nhai. Thấy Bắc Hà có nguy cơ đối đầu với mình, Nguyễn Huệ vội vàng sai Vũ Văn Nhậm đem quân ra đánh Nguyễn Hữu Chỉnh. Một trong những lý do Chỉnh không hết lòng cũng vì vợ con Chỉnh còn đang ở Phú Xuân, nên không dám vọng động tấn công trước.

Khi Vũ Văn Nhậm ra Bắc Hà, hai tướng của Nguyễn Hữu Chỉnh là Nguyễn Như Thái, Hoàng Viết Tuyển chia binh chống cự nhưng vì bố của Tuyển đang bị Vũ Văn Nhậm bắt nên Tuyển có ý muốn hàng, dừng quân không chịu tiến lên. Khi quân của Nhậm tới, Tuyển trở tay không kịp.

Ngày 25 tháng Mười một [1787], Nguyễn Hữu Chỉnh đem đại quân chặn địch ở Sinh Quyết [Thanh Quyết]. Ngày 30, Nhậm sai người lặn xuống sông dùng thùng buộc vào thuyền của Chỉnh kéo về bờ phía nam, quân Chỉnh tan vỡ. Quân Tây Sơn tiến đến sát kinh thành.

Đêm hôm đó, Chỉnh trở về. Vua Chiêu Thống cho vời mấy lần, Chỉnh không vào, chỉ cho Tham tri chính sự Nguyễn Như Khuê tâu vua xin chạy về phía bắc nương nhờ Nguyễn Cảnh Thước. Theo *Lê quý dật sử* thì:

Vua nghe theo, đợi trời sáng, vua ngự ra điện Vạn Thọ, bọn thị vệ dần dần bỏ trốn, vua triệu các quan sảnh đường để xét hỏi, thì họ đã ngầm trốn đi từ trước, không còn một người nào trực cả. Bọn nội thị ai về nhà nấy thu xếp hành lý. Trong điện chỉ còn Hoàng thân thứ hai, cai quản vệ Hồ bôn Đạt quận hầu [Lê Duy Đạt], người vừa mới được tiến triều là Nguyễn Khải người Hương Cầm, huyện Kỳ Hoa, người họ ngoại là Tích Xuyên hầu cùng hoàng giáp Bùi Dương Lịch bưng khăn đứng hầu mà thôi.

Khi sắp đi, vua trước hết đến nhà tắm miếu tiên để bái khốc. Bọn thị vệ lại lên bỏ đi. Vua tôi chỉ đưa mắt nhìn nhau, không biết làm thế nào. Bùi Dương Lịch đến trước vua tâu rằng: “Nay Chỉnh dẫu thua trận rút lui, nhưng thủ hạ của Chỉnh còn nhiều, lòng người còn biết sợ Chỉnh, xin nhà vua truyền dụ đi đến nhà Chỉnh, sai Chỉnh đi theo hộ giá, chắc được, như thế có sự ràng buộc”.⁽⁵³⁾

Vua Chiêu Thống cười voi đến nhà Chỉnh bàn tính chuyện chạy lên Kinh Bắc. Tuy nhiên, trấn thủ Nguyễn Cảnh Thước làm phản, mật sai người xin đầu hàng Vũ Văn Nhậm, cướp hết voi, ngựa, hành lý của nhà vua. Chỉnh vội vàng đưa vua Lê lên Yên Thế nương nhờ thổ hào ở đó là Dương [Đình] Tuấn.

2. Nhà Lê thất quốc

Ngày mồng 4 [tháng Chạp] quân Tây Sơn kéo đến, vua Lê sai hoàng đệ đem hoàng thái hậu, vương phi và nguyên tử theo đường phía bắc chạy lên

Lạng Sơn, còn nhà vua mặc áo giáp, cưỡi ngựa đi đầu có ý đích thân chống giặc. Các bề tôi, nội thị can ngăn, vua mắng là hèn nhát. Bùi Dương Lịch nắm cương ngựa can rằng:

- Việc binh chiến không thể lường được, xin bệ hạ hãy lấy xã tắc làm trọng, chớ có khinh địch.

Vua miễn cưỡng nghe theo, cho ngựa đứng sau trận khoảng 3 dặm. Dương Tuấn đem quân giữ bên phải, Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân giữ núi bên trái.⁽⁵⁴⁾ Quân Tây Sơn dàn hàng ngang tiến lên, Nguyễn Hữu Du [con Chỉnh, *Nghệ An ký* viết là Hoằng] bị giết, hai con và cháu của Dương Tuấn cũng tử trận. Nguyễn Hữu Chỉnh bị bắt giải về Thăng Long xé xác, bêu ở cửa thành. Vua Lê chạy sang Bảo Lộc, các bề tôi mỗi người một ngả. Đầu năm sau, thổ hào ở Hải Dương đón Lê Duy Kỳ về Giáp Sơn.

2.1. Vua Lê chạy trốn

Sau khi Vũ Văn Nhậm chiếm được kinh thành, vua Lê chạy trốn, tình cảnh hết sức long đong vất vả. *Lê quý dật sử* chép:

Tự hoàng từ sau trận thua ở Mục-thị, lật đật long đong, nay đông mai bắc, đến đâu cũng được nghĩa binh hào mục ở đó theo về như chợ, nhưng quân lính không quen trận chiến, gặp “giặc” liền thua.⁽⁵⁵⁾

Về phần Vũ Văn Nhậm, từ khi chiếm được Thăng Long làm nhiều điều đặc chí khiến Nguyễn Huệ cũng sinh nghi, sai Ngô Văn Sở ra Bắc để kiểm chế Nhậm. Nhậm cũng không ưa Ngô Văn Sở nên cho lên đóng ở Phú Xuyên nhưng bắt phải tự túc về lương thực, tiền bạc. Ngô Văn Sở hết sức căm tức, chờ dịp báo thù. Theo *Lê quý dật sử* thì “*khi đi, Nhậm che sáu lọng, khi ngồi Nhậm dùng sập thếp vàng. Lại tự tiện đúc ấn chương và khi cho tướng dưới quyền dùng tiếng trâu nói với Nhậm trong những dịp trình bày việc công*”.⁽⁵⁶⁾ Ngô Văn Sở báo cho Nguyễn Huệ biết, tố cáo Nhậm làm phản. Nguyễn Huệ liền kéo quân ra thẳng Thăng Long, bắt Nhậm giết đi.

Khi Nguyễn Huệ giết được Vũ Văn Nhậm rồi, lại một lần nữa bách quan văn võ lục tục “ra hàng” nghĩa là chịu làm việc với triều đình mới. Khi Lê Duy Đản sang Quảng Tây có đọc được tờ biểu mà đình thần gửi sang để xin Thanh triều chấp nhận cho Nguyễn Quang Bình [Nguyễn Huệ] lên làm vua thay Lê Duy Kỳ. Theo một bài thơ của Lê Duy Đản thì tờ biểu này có 75 chữ ký, bao gồm ba quan văn.⁽⁵⁷⁾

2.2. Hoàng tộc chạy sang đất Thanh

Về nguyên nhân nhà Thanh đem quân sang nước ta, *Đại Nam chính biên liệt truyện* chép:

Khi kinh thành Thăng Long vừa mất, vua Chiêu Thống sai thị thần là Lê Quýnh cùng mấy chục người tôn thất bảo hộ quốc mẫu họ Nguyễn chạy lên Cao Bình (Bằng) dựa vào đốc trấn Nguyễn Công Túc, gửi thư sang Long Bằng cầu xin Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị đem binh cứu viện...⁽⁵⁸⁾

Cũng việc đó, *Khâm định Việt sử* chép dài hơn:

Trước kia, thái hậu đến Cao Bằng, các phiên tù đều đem quân đi phòng thủ, chẹn đánh. Phiên mục Bế Nguyễn Trù dẫn tướng giặc là bọn Cúc, Hoán đến đánh úp trấn doanh. Bọn đốc đồng Nguyễn Huy Túc, phiên thân Định quận công Hoàng Ích Hiếu, tưng thân Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống bảo vệ thái hậu và nguyên tử do cửa ải Thủy Khẩu chạy sang Long Châu nhà Thanh. Quan châu là Trần Tốt đem việc này đề đạt lên tổng đốc và tuần phủ.

Lưỡng Quảng Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị và Quảng Tây Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh hội họp ở Nam Ninh. Thái hậu đưa nguyên tử đến yết kiến ở trong sân, gào khóc xin cứu viện. Bọn Sĩ Nghị tâu với vua Thanh rằng tự hoàng nhà Lê đương phải bôn ba, đối với đại nghĩa, ta nên cứu viện. Vả lại, An Nam là đất cũ của Trung Quốc, sau khi khôi phục nhà Lê, ta nhân đó, đặt lính thú để đóng giữ. Thế là vừa làm cho nhà Lê được tồn tại, vừa chiếm lấy được An Nam: thật là làm một chuyện mà được hai lợi.⁽⁵⁹⁾

Từ hai nguồn này, các sử gia đều dựa vào đây để khẳng định là gia quyến và bầy tôi nhà Lê chủ động trong việc sang Trung Hoa cầu viện, thái hậu họ Nguyễn - mẹ Lê Duy Kỳ - van xin thống thiết và dựa vào đó Tôn Sĩ Nghị trình bày lên vua Càn Long xin cử binh sang đánh nước Nam.

Với lối trình bày đơn giản có dụng ý, chúng ta tưởng như đây là một phái đoàn chính thức tiền hô hậu ủng đi qua cửa ải đến tận dinh tổng đốc nhà Thanh xin đem quân cứu viện. Sai lầm này khiến người đọc sử có ác cảm với mẹ con vua Lê và đám bồi thân chỉ vì quyền lợi bản thân nên manh tâm nhờ cậy người ngoài, bất kể đến quyền lợi quốc gia dân tộc.⁽⁶⁰⁾

Thế nhưng tài liệu của nhà Thanh không những khác hẳn mà nội dung lại mang dụng ý rõ rệt, một mặt che giấu việc tuần phòng biên giới chênh mảng, mặt khác nhấn mạnh vào nghĩa vụ nước lớn để chính danh hóa việc đem quân sang nước ta. Bên cạnh đó, động cơ ngầm của vấn đề chính là mục tiêu cá nhân của Tôn Sĩ Nghị với tham vọng nếu không chiếm nước ta thành quận huyện thì cũng là một cơ hội tốt để ông ta thăng quan tiến chức.

Và nói chung, mọi sách vở tài liệu dựa trên hai nguồn: 1) Chính sử Việt Nam qua *Khâm định Việt sử* hay *Liệt truyện*; 2) Chính sử Trung Hoa qua *Thanh thực lục*, *Thanh sử cảo* đều quy tội cầu viện Trung Hoa vào tông thất nhà Lê.⁽⁶¹⁾

Thực tế như thế nào? Chúng ta cần xem xét vấn đề này với những chi tiết cụ thể hơn.

Trong tấu thư của Tôn Sĩ Nghị đề ngày 26 tháng Sáu năm Càn Long thứ 53 (Mậu Thân) (tức 29/7/1788) có thuật lại lời khai của Nguyễn Huy Túc [quan nhà Lê hộ tống thái hậu, vương phi, vương tử chạy sang đất Thanh] thì:

Ngày 26 tháng Sáu năm Càn Long 51 (Bính Ngọ) (tức ngày 21/7/1786), Nguyễn Huệ là em của thổ tù Nguyễn Nhạc đem binh tấn công Lê thành

(tức Thăng Long). Ngày 29 tháng Bảy (21/9/1786)⁽⁶²⁾ thì Nguyễn Nhạc cũng tới nơi. Thân dân các nơi chạy đến cứu viện, anh em Nguyễn Nhạc ngày mồng 7 tháng Tám (28/9/1786) thì ra khỏi nước.

Quốc vương Lê Duy Đoan 黎維端 (tức vua Hiến Tông) làm mất quốc ấn, sau lại bệnh mà chết. Vì con trưởng chết sớm, cháu nội là Lê Duy Kỳ theo thứ tự được thừa tập, đã viết văn thư xin được (nhà Thanh) cấp cho ấn triện. Sau đó tự tôn nhận được hịch dụ của tổng đốc Lương Quảng cho hay là không hợp thể chế, sắp sửa sai sứ thân dâng biểu cáo ai để xin được sắc phong làm An Nam quốc vương và cấp cho ấn khác.

Ngờ đâu ngày mồng 1 tháng Chạp năm đó (tức ngày 19/1/1787), nguyên tướng của Nguyễn Nhạc là Nguyễn Nhậm (tức Võ Văn Nhậm) đem mấy vạn quân công phá kinh thành, tự tôn [tức vua Lê Chiêu Thống nhưng ở đây không dám gọi là vua vì chưa được sắc phong của nhà Thanh nên chỉ gọi là tự tôn nghĩa là cháu nội được chỉ định nối ngôi] phải bỏ chạy. Bọn chúng tôi (tức bọn Nguyễn Huy Túc) đưa vương mẫu (tức thái hậu), vương tử (tức Lê Duy Thuyên, con trai của Lê Duy Kỳ) lánh nạn tại xã Bác Sơn, huyện Võ Nhại. Còn tự tôn thì ngày 25 tháng Giêng năm nay (Mậu Thân) (tức ngày 2/3/1788) đến vùng Sơn Nam để điều binh đánh giặc.

Ngày mồng 6 tháng Tư (11/5/1788), Nguyễn Huệ quay trở lại quốc thành (Thăng Long), có thổ dân ở Lạng Sơn là Quyển Trâm (卷簪) cùng phiên mục Cao Bằng Bế Nguyễn Trù (閉阮儔) lẫn vào Lạng Sơn, chiêu tập được một số đông quân giặc định cướp vương quyền làm con tin để ngăn trở nghĩa binh. Chúng tôi liền cùng gia đình đưa lên Cao Bằng. Bọn chúng lại đuổi tới Cao Bằng. Chúng tôi chỉ còn cách lên thuyền chạy cho xa.

Ngày mồng 4 tháng Năm vừa qua (7/6/1788), tới Bác Niệm, truy binh càng lúc càng gần. Ngày 12 tháng Năm (15/6/1788) thì chạy được tới bờ sông. Bọn giặc ước chừng ba, bốn trăm tên đuổi tới nơi, không còn đường nào thoát mới khẩu đầu qua phía bờ bên kia để xin thiên triều cứu giúp. Thế nhưng tặc binh đã tới nơi, đành liều mạng mang vương mẫu, vương phi, thế tử và thân thuộc, vượt sông lên bờ. Những ai không kịp qua sông đều bị giết cả...⁽⁶³⁾

Đây là lời khai của vong thân nhà Lê để Tôn Sĩ Nghị lấy cớ tâu lên vua Càn Long nhấn mạnh vào việc quân Thanh có mặt khi đoàn người tỵ nạn vượt biên giới. Sự việc ít nhiều đã được mớm lời để khai cho phù hợp với ý nguyện của họ Tôn dọn đường cho những toan tính của ông ta sau này và nhất là đẹp lòng vua Cao Tông. Tuy nhiên, sự thực xảy ra có điều khác hẳn. Theo lời thuật lại của chính Lê Quýnh thì đám tòng vong nhà Lê sau khi qua được con suối thì lên một đỉnh núi, do thổ dân đưa đường sống tạm trong một cái hang phải đi hái rế cây, ăn quả rừng sống tạm mấy ngày. Mãi đến khi tin đưa tới quan quân nhà Thanh thì thông phán Trần Tùng mới tới gặp.

...Bấy giờ, thái hậu với nguyên phi, nguyên tử đều ở Thái Nguyên. Quýnh vâng mệnh đi lên bắc để hộ vệ thái hậu. Tháng 4, đến Thái Nguyên, thấy binh ít thế gấp, bèn đưa thái hậu đi trấn Mục Mã (nguyên làm ra Mục Dã) thuộc Cao Bằng.

Tháng 5, quân Tây Sơn thành lĩnh tới, Phiên mục Hoàng Ích Hiếu theo lời dặn của đốc đồng Nguyễn Huy Túc lấy thuyền buôn đưa quốc mẫu (thái hậu) thuận dòng đến cửa Thủy Khẩu (cửa sông Bằng vào biên giới Long Châu), tạm trú trên một gò nhỏ ở giữa sông thuộc thôn Bến xã Phát Mê.

Ngày mồng 9, quân Tây Sơn đến đông. Quýnh và Ích Hiếu chia nhau hai ngã mà ngăn chống. Đốc đồng Nguyễn Huy Túc, Phụng Thế hầu Nguyễn Quốc Đống, Trường thu lĩnh Phạm Đình Quyền cùng nhau đưa thái hậu qua sông, tới làng Đẩu Áo mà vào đất Thanh. Chiều tối, Quýnh và Ích Hiếu giữ gò nhỏ ở giữa sông Phát Mê. Quân Tây Sơn vây phía tây nam. Quân giữ ải nội địa ngăn phía đông bắc. Lui tới đều hết đường, chỉ còn có thể đánh đến chết mà thôi. May tới đến, mưa gió to. Trong đêm tối, nhân chớp sáng mà lội qua sông. Bắt đầu vào đất Thanh tại làng Đẩu Áo trong núi Đồ Sơn.

Người nhà còn bảy đứa. Sáng dậy thấy thái hậu với nguyên phi, nguyên tử, các tòng thần đều ở trong động núi. Lương hết. Tìm được vài bao ngô⁽⁶⁴⁾ đem tiến. Còn hơn sáu mươi người đều lấy rễ tươi bổ cốt chỉ đập nát và quả trong rừng mà ăn cho đỡ đói.⁽⁶⁵⁾

Ngay tiếp đó, Hoàng Xuân Hãn cũng dẫn bài “Tháng 5 hộ Từ-giá qua bến Phát-mê” mà ông dịch ra như sau:

Thình lình trong chốc lát cờ giặc đầy núi. Xách gươm theo kiệu ra đến bờ sông. Một bè kết bằng năm cây tre chở quốc quyền. Một dây dăng qua sông giúp các quan lợi theo... Mưa lớn suốt đêm, rét thấu xương. Sáng dậy nhìn sông nước chảy như bay.⁽⁶⁶⁾

Những chi tiết đó cũng được nhắc lại để xác định rằng đoàn người tỵ nạn phải chia làm hai, một phần chạy trước để lại bảy người đoạn hậu. Họ sợ dĩ không bị quân Tây Sơn tiêu diệt cũng nhờ đêm tối, mưa to gió lớn khiến dòng nước chảy xiết nên mới lội qua sông thoát được sang đất Trung Hoa. Sau đó, họ tìm thấy nhau đang ở trong hang núi [chưa gặp quan quân mà chỉ có một vài thổ dân giúp đỡ]. Trong “Tiêu cung tuần tiết hành”, một bài thơ dài của Nguyễn Huy Túc thuật về cuộc đời của hoàng phi Nguyễn Thị Kim cũng miêu tả như sau:

*...Năm Đinh Vị Tây Sơn khởi biến,
Cảnh phong trần chợt đến khôn lường.
Ngoài thành rong ruổi xe hương,
Quân Hầu tan tác, bàng hoàng bên sông.
Vó ngựa lạc văn phong mấy độ,
Theo từ vi đến Võ Nhai sơn.
Quần hồng lặn đạn núi ngàn,
Liều bề phải chịu muôn vàn long đong.
Xa trông đợi tin rồng vắng bật,
Chốn nhàn đình nước mắt chứa chan.
Bỗng đâu tiếng trống nổi ran,
Tướng Cao Bằng rước xe loan lên đường.*

*Tới Mực Mã vội vàng nghỉ lại,
Thuyền vua dong lên ải Phất Mê.
Địch nghe tin kíp đuổi kè,
Tên bay đạn lạc bốn bề rối ren.
Bè một mảng qua phen kinh hãi,
Bao hiểm nghèo rồi lại bình yên,
Vịn cây dầm đá trèo lên,
Mưa mù lam chướng đầy trên một trời.
Dân sở tại chào mời đưa dất,
Gập ghềnh theo lối tắt đường ngang.
Hết đường tới núi vào hang,
Giếng thơm trong suốt, nước đang dạt dào...⁽⁶⁷⁾*

Tất cả bọn lưu vong nhà Lê chỉ còn 62 người sống sót, trong đó có mẹ Lê Duy Kỳ [thái hậu] là Nguyễn (Thị) Ngọc Tố (阮玉素) và vợ [vương phi] là Nguyễn (Thị) Ngọc Đoan (阮玉端),⁽⁶⁸⁾ con trai [vương tử] là Lê Duy Thuyên (黎維詮).⁽⁶⁹⁾ Nhóm người tỵ nạn đó may sao kiếm được mấy bấp ngô chia cho hai người đàn bà và đứa trẻ, còn đàn ông thì phải tìm các loại rễ cây, quả dại.

(Còn tiếp)
N D C

CHÚ THÍCH

- (1) Hoàng Xuân Hãn, “Phe chống đảng Tây Sơn ở Bắc với tập *Lữ trung ngâm*”, Sài Gòn: Tập san *Sử địa*, số 21 (1-3, 1971), tr. 15.
- (2) Ngô Cao Lãng [hoặc Lê Cao Lãng], tự Lệnh Phủ, hiệu Viên Trai, quê ở Thanh Hóa, đỗ Hương cống năm Đinh Mão (1807) làm đến chức Tri phủ. *Lịch triều tạp kỷ* một bộ 6 quyển, nay chỉ còn các quyển I, II, III, IV và VI [thiếu quyển V]. Những quyển này đã được Hoa Bằng và Hoàng Văn Lâu dịch (Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội, 1995).
- (3) Phan Thúc Trực [1808-1852] hiệu Dưỡng Hạo, người Nghệ An, đỗ Thám hoa năm Thiệu Trị thứ 7 [1847], làm quan trong Nội Các rồi sang Tập Hiền Viện Thị giảng, sung Kinh Diên khởi cư chú [ghi chép những việc thường ngày của vua]. *Quốc sử di biên* gồm 3 tập: thượng, trung, hạ chép ba đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị. Viện Sử học Hà Nội đã xuất bản, bản dịch của Đỗ Mộng Khương (Hà Nội: Nxb Văn hóa-Thông tin, 2009) và một bản dịch khác của Hồng Liên Lê Xuân Giáo [mới chỉ có quyển thượng] (Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1973).
- (4) *Bánh xe khứ quốc* (Hà Nội: Nxb Đời mới, 1945), (Sài Gòn: Nxb Chính ký, 1952) và được tái bản dưới tựa đề “*Cuộc đời trôi nổi và đau thương của vua Lê Chiêu Thống*” (Hà Nội: Nxb Văn hóa-Thông tin, 2000).
- (5) “Lời người dịch” của Hoa Bằng trong Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ* (1995), tr. 13. Thực ra việc vua Chiêu Thống cho phá hủy cung điện của họ Trịnh là để dứt khoát không cho một quyền thần nào khác có cơ hội dựng lại phủ chúa [mặc dù sau đó lại bị một số lãnh chúa mới ép ông phải tái lập họ Trịnh]. Tuy nhiên, vì thói quen trong nhiều trăm năm, người nào nắm đại quyền đều muốn biến mình thành một thứ chúa mới, dù là Nguyễn Huệ, Nguyễn Hữu Chỉnh hay Đinh Tích Nhưỡng... Đó cũng là một trong những lý do khiến nhiều người chạy theo Tây Sơn rất sớm mà không một chút mặc cảm là phản bội nhà Lê.
- (6) Khi vua Lê Hyên Tông sắp mất có trở lại là “*Sau khi ta nhắm mắt rồi, truyền nối là việc trọng đại, cháu [Lê Duy Kỳ] nên nhất nhất nắm bắt để Nguyễn Văn Huệ biết ...*” Thế nhưng khi vua

- Hiển Tông qua đời, Lê Duy Kỳ tự phát tang rồi nối ngôi, sau đó mới báo cho Nguyễn Huệ biết. Ông còn nói: “*Lên ngôi ngay ở trước linh cửu là theo lễ đấy*”. Xem *Lịch triều tạp kỷ*, q. IV (1995), tr. 581 và *Lê quý kỷ sự* (1974), tr. 41. Thực ra việc này không có gì sai trái vì Nguyễn Huệ là người ngoài, không thể can thiệp vào những việc của triều đình miền Bắc.
- (7) Xin xem thêm “Liệt phi Nguyễn Thị Kim (1765-1804)-người đàn bà bất hạnh”, biên khảo của Nguyễn Duy Chính, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 5(88). 2011, tr. 97-110.
 - (8) Đáng để ý là những bản đồ cũ của người Tây phương vẽ về Việt Nam, vịnh Bắc Việt thường là một tam giác đến tận gần Thăng Long. Đường như chỉ vài thế kỷ trước, khu vực duyên hải còn là biển vào sâu trong đất liền.
 - (9) Alastair Lamb, *The Mandarin Road to Old Hué* (1970), tr. 20.
 - (10) Samuel Baron, “A Description of the Kingdom of Tonqueen” [Vol. 6 trong bộ *A Collection of Voyages and Travels* (6 vols.)] Churchill, (London: 1746), trích lại theo Alastair Lamb (1970), tr. 32. Tôn Sĩ Nghị khi vào thành Thăng Long miêu tả cung điện vua Lê không lấy gì làm khang trang, chỉ là những căn nhà gỗ lợp ngói.
 - (11) *Khâm định Việt sử*, quyển XLV, tr. 3, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 735 chép tháng Tư năm Đinh Dậu (1777) thời Trịnh Sâm “...luôn mấy năm, trấn Nghệ An mất mùa đói kém, thây chết đói nối liền với nhau.”
 - (12) *Khâm định Việt sử*, quyển XXXIII, tr. 9, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 305.
 - (13) Theo mật khẩu của Nguyễn Công Hãng là thầy dạy của Trịnh Giang.
 - (14) Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*, “Thần lễ” (Đông Châu dịch), tạp chí *Nam phong* số 128, Avril, 1928, tr. 391.
 - (15) Tiên Dung quận chúa Trịnh thị mất sớm, các con của thái tử Vĩ sau này là của người vợ họ Nguyễn [khai với nhà Thanh là Ngọc Tố], khi Lê Duy Kỳ lên ngôi tấn phong mẹ làm thái hậu. Nếu như vậy, đúng ra Duy Vĩ là anh rể của Trịnh Sâm.
 - (16) *Khâm định Việt sử*, quyển XLIII, tr. 23-4, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 686-7.
 - (17) *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển II, tr. 6.
 - (18) 佃郡公黎維鑑
 - (19) 蘭郡公黎維祗. Chữ *Diễn* nguyên có bộ *ngọc* 玉, chữ *Lạn* cũng có bộ *ngọc*, chữ *Lưu* bộ *kỳ* 礻, có sách dịch là *Trúu*. Chữ *Lưu* một bên bộ *kỳ* (礻), một bên chữ *do* (由), các sách nhà Thanh như *Thánh vũ ký*, *Thanh đại thông sử*, *Khâm định An Nam kỷ lược* chép nhầm thành *tụ* 袖 (bộ *y* nghĩa là tay áo). Theo GS Hoàng Xuân Hãn chữ này phải đọc là *Lưu*.
 - (20) Người Thái Bình.
 - (21) *Khâm định Việt sử*, quyển XLIII, tr. 37, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 699-700.
 - (22) Chi tiết duy nhất về thân quyến của vua Lê ở Trung Hoa theo tờ bẩm của Lê Quýnh viết gửi vua Thanh khi nghe tin Nguyễn Ánh đã chiến thắng nhà Tây Sơn, để xin về nước năm Quý Hợi (1803) có câu: “蓋罔等四人帶罪以來，故主既亡，狐丘望斷，而所遺一女，付托無人” (cái Quýnh đẳng tứ nhân dãi tội dĩ lai, cố chủ ký vong, hồ khâu vọng đoạn, nhi sở di nhất nữ, phó thác vô nhân) [*Bắc hành tòng kỷ*] mà cụ Hoàng Xuân Hãn đã dịch là “...*Thật vậy từ khi bốn người bọn Quýnh mang tội đến nay, chúa cũ [chỉ Lê Duy Kỳ] đã mất, hy vọng cáo về gò đã dứt, mà con gái chúa (?) để lại, phó thác không ai...*”. Nguyên văn là *nhất nữ*, hiểu theo nghĩa thường là con gái vua Lê nhưng cũng nên hiểu là tông tộc không còn con trai [ba anh em Lê Duy Kỳ đều đã chết], chỉ còn một người đàn bà, đó là một người em gái của vua Lê [theo đòi hỏi của vua Càn Long yêu cầu Nguyễn Huệ truy tẩm thân quyến vua Lê cho sang Trung Hoa đoàn tụ]. Khi đưa hài cốt vua Lê về nước, Vương phi Nguyễn Thị Kim cũng có gặp lại bà công chúa này.
 - (23) *Khâm định Việt sử*, quyển XLV, tr. 7, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 739.
 - (24) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVI, tr. 1-2, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 767-8.
 - (25) *Lê quý dật sử* (1987), tr. 51.
 - (26) Con Nguyễn Nghiễm, người Hà Tĩnh.

- (27) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVI, tr. 7, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 773.
- (28) *Lịch triều tạp kỷ*, quyển IV (1995), tr. 535
- (29) Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký* (1993), tr. 321
- (30) *Lê quý dật sử* (1987), tr. 69.
- (31) Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký* (1993), tr. 322.
- (32) Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký* (1993), tr. 323.
- (33) *Lịch triều tạp kỷ*, q. IV (1995), tr. 576-7.
- (34) *Lịch triều tạp kỷ*, q. IV (1995) 578-9.
- (35) *Lịch triều tạp kỷ* và *Khâm định Việt sử* thì viết là Nguyễn Hoàn. Nguyễn Hoàn, người Nông Cống làm đến Quốc lão trí sĩ, được vời ra làm Tham tụng.
- (36) *Lê Duy Đản thi tập* [bản chép tay BEFEO, A. 2821], tr. 26.
- (37) *Lịch triều tạp kỷ*, q. IV (1995), tr. 581.
- (38) Nếu là con quan thì được gọi là biễn sinh (弁生).
- (39) Đặng Phương Nghi, *Les Institutions Publiques du Viet-Nam au XVIII^e Siècle* (1969), tr. 125.
- (40) Khi quân tam phủ nổi loạn dân chúng gọi họ là *kiêu binh*.
- (41) Người xã Đại Mão, huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh.
- (42) Phan Thúc Trực chép: Trong số quan lại có cả văn võ nhà Lê, hàng thần nhà Ngụy Tây đều đến bái yết, (vua Gia Long) tùy theo tài từng người mà bổ nhiệm, trong đó có tiến sĩ Bùi Huy Bích, Nhữ Công Chấn, Phạm Quý Thích, Lê Huy Du, Lê Huy Trâm, Nguyễn Huy Lý, Nguyễn Bá Lãm, Nguyễn Cát, Lê Đình Hiến, Nguyễn Trọng Tông, Lê Trọng Thế, Lê Duy Thản, Nguyễn Thời Ban, Ngô Thế Lịch, Nguyễn Du, Nguyễn Trung Cẩn, Nguyễn Đăng Sở, cùng các quận công Cát Đằng, Thần Đầu, Thanh Nê, Bảo Từ, Nhân Tuy, La Mỗ, Bình Vọng, tất cả đều chờ cho xa giá nhà vua đến để chúc mừng... Trong số đó Huy Bích, Công Chấn từ chối trở về quê, Quý Thích làm Trợ giáo Bắc Thành, Huy Du làm Đốc học Bắc Thành, Huy Trâm làm Đốc học Kinh Bắc, Huy Lý, Bá Lãm, Trọng Thế, Đình Hiến cũng kế tiếp làm Đốc học, Trọng Tông làm Hiệp trấn Kinh Bắc, Duy Thản làm Hiệp trấn Lạng Sơn. *Quốc sử di biên* (國史遺編) [bản chữ Hán] (Hương Cảng: Trung Văn đại học Tân Á nghiên cứu sở, 1965), tr. 13-4 (NDC dịch).
- (43) *Quốc sử di biên*, (1965), tr. 14 (NDC dịch).
- (44) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVI, tr. 29, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 794.
- (45) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVII, tr. 4-5, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 809.
- (46) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVII, tr. 4, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 808.
- (47) Túc Duy Lúu. Xem chú thích 19.
- (48) Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký* (1993), tr. 330.
- (49) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVI, tr. 29, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 793.
- (50) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVI, tr. 29, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 794.
- (51) Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký* (1993), tr. 326.
- (52) *Lê quý kỷ sự* (1974), tr. 49, *Nghệ An ký* (1993), tr. 326.
- (53) *Lê quý dật sử* (1987), tr. 80-1.
- (54) *Nghệ An ký* (1993), tr. 336.
- (55) *Lê quý dật sử* (1987), tr. 99.
- (56) *Lê quý dật sử* (1987), tr. 100.
- (57) 留名不覺汗青史, 忍恥還甘戴赤巾. 無論武夫焉識義, 儒冠三十有三人. Lưu danh bất giác ô thanh sử, Nhẫn sỉ hoàn cam đái xích cân. Vô luận võ phu yên thức nghĩa, Nho quan tam thập hữu tam nhân. (Để tên chỉ làm cho sử xanh như biển, Lê nào lại không biết thẹn mà đội khăn đỏ ư? [khăn đỏ là quân Tây Sơn]. Kể võ phu không biết nghĩa lý thì chẳng nói gì. Đến quan văn ba mươi người mà cũng có ba người ký tên). (*Lê Duy Đản thi tập*, BEFEO, A.2821).

- (58) 初昇隆失守昭統帝遣侍臣黎罔與尊室數十人扈國母阮氏及宮眷如高平依督鎮阮公宿通書龍憑營求兩廣總督孫士毅提兵赴援... (Sơ Thăng Long thất thủ, Chiêu Thống đế khiến thị thần Lê Quỳnh dữ tôn thất số thập nhân hộ quốc mẫu Nguyễn thị cập cung quyến như Cao Bình y đốc trấn Nguyễn Công Túc, thông thư Long Bằng doanh cầu Lương Quảng Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị đề binh phó viện...) *Đại Nam chính biên liệt truyện*, quyển XXX, tr. 29a.
- (59) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVII, tr. 32, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 837.
- (60) Dựa theo những chi tiết vẫn được coi là “*chính sử*” nêu trên, nhiều bộ sử khá quy mô do những học giả danh tiếng ngoại quốc viết cũng khẳng định chính Lê Duy Kỳ chạy sang Trung Hoa cầu cứu nhà Thanh. Xin kể sơ qua vài tác phẩm nhiều người biết:
1. *...Trong lần thứ hai quân Tây Sơn ra Đàng Ngoài năm 1787, vua Lê bỏ kinh đô tìm đường chạy sang Trung Hoa, ở đó ông ta xin vua Thanh giúp đỡ lấy lại ngai vàng.* (... Having fled his capital during the second Tây Sơn invasion of Đàng Ngoài in 1787, the Lê emperor eventually made his way to China, where he appealed to the Qing emperor for assistance in reclaiming his throne). George Dutton, *The Tây Sơn Uprising* (2006), tr. 48.
 2. *Vua Lê băng hà. Người cháu nội và cũng là người kế vị, được một số tôn thất hộ tống chạy sang Quảng Tây. Nơi đây ông ta kêu gọi nhà Thanh can thiệp để đưa ông trở lại ngai vàng.* (...The Le emperor died. His grandson and successor, accompanied by members of the Le royal house, fled to Kwangsi. There he pleaded for Ch'ing intervention to restore him...). Alexander Woodside, Chapter 5: “The Ch'ien-Lung Reign”, Willard J. Peterson (chủ biên), *The Cambridge History of China: The Ch'ing Dynasty to 1800* [Vol 9, part One], tr. 277.
 3. *Năm 1788, vua Việt Nam của triều Lê cùng gia đình chạy trốn kẻ nổi dậy là gia đình họ Nguyễn, khi đó chiếm Hà Nội. Đào tỵ tại Quảng Tây, ông ta [tức Lê Duy Kỳ] nài nỉ xin nhà Thanh che chở. Vua Càn Long đáp ứng nhanh chóng, sai ba đạo quân tấn công vào Việt Nam mà một đội từ Quảng Tây xuống phía nam do tướng Tôn Sĩ Nghị chỉ huy, một đội từ Vân Nam ở phía đông nam, và một đạo thứ ba theo đường biển từ Quảng Đông...* (In 1788 the ruler of Vietnam's Le dynasty fled with his family from the usurping Nguyen family, who had seized Hanoi. Taking refuge in Guangxi province, he begged for Qing protection. Qianlong responded swiftly, ordering a three-pronged attack on Vietnam, with one army marching south from Guangxi under General Sun Shiyi, a second southeast from Yunnam, and a third transported by sea from Guangdong ...). Jonathan D. Spence, *The Search for Modern China* (1990), tr. 111.
 4. *...nhưng Lê Duy-Kỳ đã vượt biên giới chạy sang Trung Hoa và cầu khẩn hoàng đế [nhà Thanh] giúp ông lấy lại vương quốc* (...Mais Lê Duy-kí avait pu passer la frontière et s'était rendu en Chine. Il implora l'empereur pour qu'il l'aidât à reconquérir son royaume...). Charles B. Maybon, *Histoire Moderne du Pays d'Annam 1592-1820* (1920), tr. 297.
- (61) Tệ hơn nữa, nhiều nghiên cứu lại dựa trên cuốn tiểu thuyết *Hoàng Lê nhất thống chí* để khẳng định về tội danh này.
- (62) Năm này tháng Bảy âm lịch nhuận nên ngày Nguyễn Nhạc ra Thăng Long phải là tháng Bảy thứ hai vì sử Việt chép rằng Nguyễn Nhạc chỉ ở lại độ mười ngày rồi quay về.
- (63) *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển I, tr. 12-3.
- (64) Theo nguyên bản *Bắc hành tòng ký* chép:
- ...會暮大雨以風。天氣昏黑。遂乘電涉河。找小路往內地北斗隴之深山中。家丁剩有七人。黎明見國母等於山洞間。糧絕。尋得玉燭米數芭已進。Hội mộ đại vũ dĩ phong, thiên khí hôn hắc, toại thừa điện thiệp hà, phao tiểu lộ vãng nội địa bắc Đẩu Áo chi thâm sơn trung. Gia đình thặng hữu thất nhân. Lê minh kiến quốc mẫu đẳng ư sơn động trung. Lương tuyệt, tẩm đắc ngọc chúc mễ số ba dĩ tiến. (Mưa gió mịt mù, trời tối đen, theo ánh chớp mà lội qua sông, lần theo đường mòn sang nội địa vào trong núi ở phía bắc Đẩu Áo. Gia đình chỉ còn bảy người, đến sáng sớm thì gặp quốc mẫu tất cả ở trong hang núi. Lương hết, tìm được vài bắp ngô đem dâng lên). (NDC). Theo chúng tôi đây là vài bắp ngô chứ không phải vài bao ngô như GS Hoàng Xuân Hãn dịch.

- (65), (66) Hoàng Xuân Hãn, “Bắc hành tòng ký”. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, (1998) tr. 876-7.
- (67) Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, (2002), tr. 425-26.
- (68) Tên thực là Nguyễn Thị Kim, GS Hoàng Xuân Hãn viết là Nguyễn Thị Ngọc Thụy, theo tờ trình của Nguyễn Huy Túc thì là Ngọc Đoan. Hai chữ Thụy (瑞) và Đoan (端) rất giống nhau. Nhà Thanh chép lại theo tờ biểu của nhà Lê nên chắc không sai.
- (69) *Cung trung đáng* (宮中檔), hòm số 2727, bao số 218: Theo Tờ trình của Tôn Vĩnh Thanh đề ngày 1 tháng Sáu năm Càn Long thứ 53 (1788), số hiệu 54179 và Tờ trình của Tôn Sĩ Nghi ngày mồng 4 tháng Sáu năm Càn Long thứ 53, số hiệu 54199, Tờ trình của Tôn Vĩnh Thanh ngày 13 tháng Sáu, số hiệu 54285. Trang Cát Phát (莊吉發), *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu* (清高宗十全武功研究). (1982), tr. 359.

TÓM TẮT

Lê Chiêu Thống là vị vua cuối cùng của triều Lê, tuy chỉ tại vị trong thời gian rất ngắn và phải sớm lìa đời khi tuổi thanh xuân nhưng trong con mắt của người đời sau ông là một vị vua hèn nhát, mang nhiều tội lỗi đáng nguyên rủa, trong đó có tội danh ô nhục nhất: bán nước. Căn cứ vào nhiều nguồn sử liệu khác nhau, biên khảo này trình bày khá chi tiết về cuộc đời và thân phận long đong của vua Chiêu Thống. Việc tìm lại chân diện mục của vua Lê trở nên khó khăn hơn khi ông là nạn nhân của ba thế lực nổi bật thời đó: Thanh triều là thế lực lúc đầu ủng hộ, về sau lại ruồng bỏ ông; Tây Sơn là kẻ thù trong những giai đoạn khó khăn nhất cố tình đuổi tận giết tuyệt; và triều Nguyễn là đao phủ sau cùng chặt mất những mối liên hệ với tiền triều mà họ lo ngại sẽ ảnh hưởng đến triều đại mới.

Vua Lê Chiêu Thống nếu chỉ xét trong một giai đoạn ngắn như sử sách thường nhấn mạnh - từ lúc vong thân nhà Lê chạy sang Trung Hoa nương nhờ cho đến khi quân Thanh kéo sang xâm lược nước ta để rồi bị đánh cho tan tác khiến cho vua tôi lại lếch thếch chạy sang Trung Hoa nương nhờ đến cuối đời - là một mẫu người nếu không đáng trách thì cũng chẳng có gì đáng khen. Thế nhưng khi một số chi tiết khả tín khác được bạch hóa, chúng ta mới thấy rằng sự thật chưa hẳn đã hoàn toàn như những gì chúng ta từng biết.

ABSTRACT

LÊ DUY KỲ (1766-1793) - BEING PITIED OR CONDEMNED?

Lê Chiêu Thống was the last king of the Lê Dynasty. Though he only reigned over Vietnam in a short time and died young, he was considered a coward king with a lot of cursed offences, especially the most ignoble crime of betraying his country.

Based on various historical sources of data, the research presents some details about the unlucky life and fate of King Lê Chiêu Thống. It is hard to see through him when he was the victim of three prominent forces at that time: The Qing dynasty, who supported him at first, then abandoned him; the Tây Sơn, his enemy in the most difficult period, who pursued him closely; and the Nguyễn Dynasty, the last executioner, who wanted to cut all relations with the former dynasty.

If considering King Lê Chiêu Thống during his short time of fleeing to China, then the defeat of Qing invaders that he sought reinforcements, and his last escape to China until his death, he wasn't praiseworthy at all. However, when some credible information is publicised, we will see that the reality is not completely true as what we've known.